

Số: /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2026

DỰ THẢO 2

NGHỊ ĐỊNH

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 147/2024/NĐ-CP NGÀY 09 THÁNG 11 NĂM 2024 CỦA CHÍNH PHỦ QUẢN LÝ, CUNG CẤP, SỬ DỤNG DỊCH VỤ INTERNET VÀ THÔNG TIN TRÊN MẠNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật An ninh quốc gia số 32/2004/QH11;

Căn cứ Luật Báo chí số 126/2025/QH15;

Căn cứ Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15;

Căn cứ Luật Viễn thông số 24/2023/QH15;

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

Điều 1. Bổ sung các khoản 46, 47, 48, 49 vào sau khoản 45 của Điều 3

“46. Trò chơi điện tử trên mạng là sản phẩm nội dung thông tin số, có tính tương tác, được xây dựng trên nền tảng công nghệ số, bao gồm hệ thống quy tắc, kịch bản, cơ chế tương tác, cùng các yếu tố đồ họa, âm thanh và nội dung số tích hợp, cho phép người chơi tham gia, tương tác và trải nghiệm thông qua các thiết bị điện tử có kết nối Internet.

47. Trò chơi điện tử trên mạng có nội dung giáo dục, tuyên truyền, quảng bá giá trị văn hoá, lịch sử Việt Nam là trò chơi điện tử được xây dựng trên cơ sở khai thác các chất liệu, yếu tố liên quan đến văn hóa, lịch sử, con người, địa danh, phong tục tập quán, di sản văn hóa Việt Nam.

48. Trò chơi điện tử trên mạng sử dụng trong thi đấu thể thao điện tử (game esport) là trò chơi điện tử được cơ quan có thẩm quyền công nhận đủ điều kiện để thi đấu thể thao điện tử tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về

thể dục, thể thao, có hệ thống luật chơi được chuẩn hóa theo hệ thống tổ chức giải đấu.

49. *Nền tảng số có tính năng cho phép người chơi khởi tạo và phân phối trò chơi điện tử trên chính nền tảng đó (gọi tắt là nền tảng tạo trò chơi) là nền tảng số cung cấp đầy đủ các yếu tố: công cụ khởi tạo, hạ tầng kỹ thuật vận hành và kênh phân phối. Đồng thời, nền tảng này cho phép các tổ chức, cá nhân tạo lập, phát hành, vận hành và khai thác thương mại (nếu có) trò chơi điện tử do mình tạo ra trên chính nền tảng đó đáp ứng các đặc điểm sau đây:*

a) Mỗi trò chơi được phân phối trên nền tảng hoạt động độc lập, không phải là màn chơi, bản đồ, chế độ chơi, vật phẩm hoặc là thành phần cấu thành của một trò chơi điện tử trên mạng khác;

b) Người chơi sử dụng cùng một tài khoản và nhân vật đại diện do nền tảng cung cấp để truy cập, trải nghiệm các trò chơi điện tử trên mạng được phân phối trên nền tảng; việc thanh toán, sử dụng đơn vị ảo, vật phẩm ảo (nếu có) của người chơi được thực hiện thông qua cơ chế chung của nền tảng;

c) Trò chơi được phân phối trên nền tảng không thể vận hành, phân phối hoặc khai thác thương mại một cách độc lập ngoài nền tảng.”

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 9

1. Bổ sung điểm c khoản 7 như sau:

“c) Trường hợp các dữ liệu trên đã được kết nối, khai thác trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký kinh doanh thì chủ thể không cần cung cấp các thông tin tại điểm a, điểm b khoản này; chỉ cung cấp mã định danh điện tử của tổ chức; mã số doanh nghiệp; số định danh cá nhân; mã số thuế hộ kinh doanh. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin không chính xác, không trùng khớp, chủ thể có trách nhiệm phối hợp cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 9 như sau:

“9. Công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi đến đủ 23 tuổi được ưu tiên, hỗ trợ trong đăng ký sử dụng tên miền cấp 3 dưới “.id.vn” bao gồm: miễn, giảm lệ phí đăng ký sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”; miễn, giảm phí duy trì sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” trong thời hạn cụ thể theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí. Hợp tác xã, liên hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp và hộ kinh doanh có giấy chứng nhận, giấy phép kinh doanh theo quy định của pháp luật được ưu tiên, hỗ trợ trong đăng ký sử dụng tên miền cấp 3 dưới

“*.biz.vn*” bao gồm: miễn, giảm về lệ phí đăng ký sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”; miễn, giảm phí duy trì sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” trong thời hạn cụ thể theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 12 như sau:

“12. Trường hợp các chủ thể đăng ký chuyển giao New gTLD với ICANN:

a) Trước khi thực hiện đăng ký chuyển giao New gTLD với ICANN, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thực hiện báo cáo đăng ký chuyển giao New gTLD thông qua gửi Bản khai đăng ký chuyển giao Tên miền dùng chung cấp cao nhất mới (New gTLD) với ICANN theo Mẫu số 01a tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh nơi cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đặt trụ sở chính hoặc nơi cá nhân đăng ký thường trú, tạm trú;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, giải quyết trong thời hạn 11 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo hợp lệ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân và trả lời bằng văn bản theo Mẫu số 01b tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, trường hợp từ chối nêu rõ lý do. Văn bản được đồng thời gửi tới Tổ chức quản lý tài nguyên Internet ở Việt Nam (Trung tâm Internet Việt Nam) để phục vụ công tác quản lý. Trường hợp cần thiết, trong quá trình xử lý, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ nhưng thời gian trả lời chủ thể không vượt quá 11 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ thời điểm ICANN chính thức chuyển giao New gTLD, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có văn bản thông báo với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã có văn bản xác nhận việc hoàn thành báo cáo đăng ký chuyển giao New gTLD và Tổ chức quản lý tài nguyên Internet ở Việt Nam (Trung tâm Internet Việt Nam);

d) Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chỉ được cấp các tên miền cấp dưới New gTLD mà mình đã đăng ký cho các đơn vị, cá nhân trực thuộc. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu cấp tên miền cấp dưới New gTLD đã đăng ký cho các chủ thể khác ngoài các đơn vị, cá nhân trực thuộc cần thực hiện báo cáo hoạt động Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới (New gTLD Registry) theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định này. Cá nhân không được cấp tên miền cấp dưới New gTLD mà mình đã đăng ký cho các chủ thể khác.”.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 12

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân được hướng dẫn, được cung cấp thông tin về việc đăng ký, sử dụng tên miền và chịu sự kiểm tra của Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan có thẩm quyền.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 5 như sau:

“a) Khi cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc tế cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam, Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam và Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới tại Việt Nam phải báo cáo về việc cung cấp dịch vụ với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại Nghị định này.”

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 6 như sau:

“b) Trước ngày 15 của tháng đầu tiên hàng quý, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền xuyên biên giới báo cáo danh sách, thông tin tên miền quốc tế do tổ chức, doanh nghiệp cung cấp cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tại Việt Nam về văn bản xác nhận việc hoàn thành báo cáo đăng ký chuyển giao New gTLD và Tổ chức quản lý tài nguyên Internet ở Việt Nam (Trung tâm Internet Việt Nam) trực tuyến tại địa chỉ thongbaotenmien.vn. Thông tin báo cáo: tên miền, ngày đăng ký, ngày hết hạn, tên chủ thể, địa chỉ của chủ thể, điện thoại liên hệ, địa chỉ thư điện tử.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 13

Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 như sau:

“3. Tổ chức, doanh nghiệp khi có nhu cầu cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” nộp Đơn đề nghị cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” theo Mẫu số 03a tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Tổ chức, doanh nghiệp nộp Đơn đề nghị theo Mẫu số 03a trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh nơi tổ chức, doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến, phải có chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, giải quyết hồ sơ trong thời hạn 11 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị hợp lệ và trả lời bằng văn bản theo Mẫu số 03b tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, trường hợp từ chối nêu rõ lý do. Văn bản được đồng thời gửi tới Tổ chức quản lý tài

nguyên Internet ở Việt Nam (Trung tâm Internet Việt Nam) để triển khai ký hợp đồng cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”, công bố danh sách Nhà đăng ký tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” và phục vụ công tác quản lý. Trường hợp cần thiết, trong quá trình xử lý, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ nhưng thời gian trả lời tổ chức, doanh nghiệp không vượt quá 11 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp nhận được văn bản đề nghị chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản theo Mẫu số 03c tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này để thông báo hủy bỏ xác nhận đề nghị cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”. Văn bản được đồng thời gửi tới Tổ chức quản lý tài nguyên Internet ở Việt Nam (Trung tâm Internet Việt Nam) để bỏ tên tổ chức, doanh nghiệp khỏi danh sách công bố.

6. Tổ chức quản lý tài nguyên Internet ở Việt Nam (Trung tâm Internet Việt Nam) xem xét, thỏa thuận và ký hợp đồng cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” với tổ chức, doanh nghiệp phù hợp với nhu cầu cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” và quy hoạch tài nguyên Internet.

7. Hợp đồng cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” ký giữa Tổ chức quản lý tài nguyên Internet ở Việt Nam (Trung tâm Internet Việt Nam) và Nhà đăng ký tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” phải đảm bảo đầy đủ các nội dung quy định theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn mẫu hợp đồng cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 14

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Báo cáo hoạt động cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc tế của Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam:

a) Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam khi cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc tế thực hiện Báo cáo hoạt động cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc tế tại Việt Nam theo Mẫu số 02a tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam gửi Báo cáo theo Mẫu số 02a trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh nơi tổ chức, doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến, phải có chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, giải quyết hồ sơ trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ báo cáo hợp lệ của tổ chức, doanh nghiệp và trả lời bằng văn bản theo Mẫu số 02b tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, trường hợp từ chối nêu rõ lý do. Văn bản được đồng thời gửi tới Tổ chức quản lý tài nguyên Internet ở Việt Nam (Trung tâm Internet Việt Nam) để công bố danh sách Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam và phục vụ công tác quản lý. Trường hợp cần thiết, trong quá trình xử lý, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ nhưng thời gian trả lời tổ chức, doanh nghiệp không vượt quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Sau khi nhận được văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Trung tâm Internet Việt Nam công bố tổ chức, doanh nghiệp trong danh sách quản lý Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam tại trang thông tin điện tử: thongbaotenmien.vn.

Trường hợp Nhà đăng ký có thông báo bằng văn bản đề nghị chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc tế tại Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản theo Mẫu số 02c tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này để thông báo hủy bỏ xác nhận hoạt động Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam. Văn bản được đồng thời gửi tới Tổ chức quản lý tài nguyên Internet ở Việt Nam (Trung tâm Internet Việt Nam) để bỏ tên tổ chức, doanh nghiệp khỏi danh sách công bố.”.

2. Bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Nhà đăng ký khi chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc tế tại Việt Nam cần có văn bản thông báo tới Tổ chức quản lý tài nguyên Internet ở Việt Nam (Trung tâm Internet Việt Nam) về tổ chức, doanh nghiệp tiếp quản quản lý các tên miền của Nhà đăng ký.”.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 15

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới tại Việt Nam là các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam đã hoàn thành báo cáo hoạt động tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới (New gTLD) theo quy định.”

2. Sửa đổi, bổ sung các khoản 3, khoản 4, khoản 5 như sau:

“3. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đã nhận chuyển giao New gTLD từ ICANN, có nhu cầu cấp tên miền cấp dưới New gTLD cho các chủ thể khác ngoài các đơn vị, cá nhân trực thuộc thì nộp Báo cáo hoạt động Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới tại Việt Nam theo Mẫu số 05a tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp Báo cáo theo Mẫu số 05a trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh nơi cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Trường hợp nộp trực tuyến, phải có chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét giải quyết hồ sơ trong thời hạn 19 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ báo cáo hợp lệ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và trả lời bằng văn bản theo Mẫu số 05b tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, trường hợp từ chối thì phải nêu rõ lý do. Văn bản đồng thời được gửi tới Tổ chức quản lý tài nguyên Internet ở Việt Nam (Trung tâm Internet Việt Nam) để công bố danh sách Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới tại Việt Nam (NewgTLD Registry) và phục vụ công tác quản lý. Trường hợp cần thiết, trong quá trình xử lý, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ nhưng thời gian trả lời cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp không vượt quá 19 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Sau khi nhận được văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Trung tâm Internet Việt Nam công bố cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong danh sách quản lý Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới tại Việt Nam (New gTLD Registry) tại trang thông tin điện tử: thongbaotenmien.vn.

Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp có thông báo bằng văn bản đề nghị chấm dứt hoạt động Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới tại Việt Nam (New gTLD Registry), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản theo Mẫu số 05c tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này để thông báo hủy bỏ xác nhận hoạt động Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới tại Việt Nam (New gTLD Registry). Văn bản được đồng thời gửi tới Tổ chức

quản lý tài nguyên Internet ở Việt Nam (Trung tâm Internet Việt Nam) để bỏ tên tổ chức, doanh nghiệp khỏi danh sách công bố.”.

3. Bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới tại Việt Nam (New gTLD Registry) khi chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc tế tại Việt Nam cần có văn bản thông báo tới Tổ chức quản lý tài nguyên Internet ở Việt Nam (Trung tâm Internet Việt Nam) về tổ chức, doanh nghiệp tiếp quản quản lý các tên miền của New gTLD Registry”.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung Điều 18

1. Sửa đổi tên Điều 18 thành: *“Điều 18. Ứng dụng công nghệ IPv6”.*

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 như sau:

“2. Các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị khi đầu tư, mua sắm các thiết bị mới có kết nối Internet, sử dụng các dịch vụ công nghệ thông tin thuê ngoài phải bảo đảm có hỗ trợ mặc định công nghệ IPv6.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng lộ trình bảo đảm tất cả thiết bị, phần mềm viễn thông và công nghệ thông tin kết nối Internet được sản xuất trong nước và nhập khẩu vào Việt Nam phải ứng dụng công nghệ IPv6 và lộ trình ngừng hoàn toàn việc sản xuất và nhập khẩu thiết bị, phần mềm không hỗ trợ công nghệ IPv6.”

3. Bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, Internet, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, nội dung, báo điện tử, trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội triển khai chuyển đổi và sử dụng IPv6, hướng tới sử dụng thuần IPv6 (IPv6 only) cho toàn mạng, dịch vụ theo lộ trình chung quốc gia.”

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 22

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên mạng trong phạm vi cả nước, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền cơ chế, chính sách, pháp luật về quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên mạng;

b) Tổ chức, hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật và đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ trong hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên mạng;

c) Kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên mạng theo quy định của pháp luật;

d) Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên mạng;

đ) Chỉ đạo và triển khai hoạt động ngăn chặn, gỡ bỏ thông tin vi phạm pháp luật theo quy định;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ban Cơ yếu Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực được phân công trên môi trường mạng; phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Công an và các cơ quan có liên quan trong việc thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, ngăn chặn, xử lý thông tin vi phạm pháp luật và thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn trong hoạt động cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng theo quy định của pháp luật.”

3. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 6 như sau:

“d) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hằng năm trước ngày 25 tháng 11 về tình hình quản lý hoạt động cung cấp, sử dụng dịch vụ thông tin trên mạng trên địa bàn gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và về tình hình quản lý hoạt động cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet trên địa bàn gửi Bộ Khoa học và Công nghệ; thực hiện báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ;

Hình thức, phương thức gửi, nhận báo cáo thực hiện bằng văn bản điện tử thông qua hệ thống thông tin báo cáo của bộ, ngành hoặc hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ. Trường hợp chưa kết nối hệ thống thì thực hiện theo quy định của pháp luật về công tác văn thư.”

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 23

1. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 3 như sau:

“đ) Lưu trữ thông tin đăng ký tài khoản của người sử dụng dịch vụ tại Việt Nam, bao gồm: Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; số điện thoại di động tại Việt Nam (hoặc số định danh cá nhân); trường hợp người sử dụng dịch vụ mạng

xã hội là trẻ em (dưới 16 tuổi) thì cha, mẹ hoặc người giám hộ theo pháp luật dân sự của trẻ em đăng ký tài khoản bằng thông tin của trẻ em và số điện thoại di động tại Việt Nam (hoặc số định danh cá nhân) của cha, mẹ hoặc người giám hộ theo pháp luật dân sự của trẻ em và có trách nhiệm giám sát, quản lý nội dung và thời gian trẻ em truy cập, sử dụng mạng xã hội phù hợp với độ tuổi;

Cung cấp thông tin người sử dụng dịch vụ tại Việt Nam cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Công an và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu bằng văn bản hoặc qua phương tiện điện tử để phục vụ công tác quản lý nhà nước, điều tra, xử lý hành vi vi phạm pháp luật; bảo đảm người sử dụng dịch vụ có quyền chủ động quyết định việc cho phép hoặc không cho phép tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài cung cấp dịch vụ xuyên biên giới vào Việt Nam sử dụng thông tin của mình cho mục đích quảng cáo, truyền thông hoặc cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác; thực hiện xóa thông tin người sử dụng tuân thủ theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 3 như sau:

“g) Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài cung cấp dịch vụ có trách nhiệm: Phân loại và hiển thị cảnh báo các nội dung không phù hợp với trẻ em; phân phối nội dung phù hợp với độ tuổi của trẻ em; thiết lập mặc định mức bảo vệ quyền bí mật đời sống riêng tư cao nhất đối với tài khoản dành cho trẻ em; chủ động phát hiện, cảnh báo và ngăn chặn trẻ em tiếp cận các nội dung bạo lực, khiêu dâm, cờ bạc, ma túy, tự tử, thử thách nguy hiểm và các nội dung độc hại khác; thiết lập cơ chế tiếp nhận phản ánh, phối hợp và cung cấp thông tin cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi phát hiện hành vi xâm hại trẻ em; triển khai giải pháp bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng theo quy định của pháp luật về bảo vệ trẻ em;

Đối với các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội có tổng số lượt truy cập từ Việt Nam (total visits) thường xuyên trong 01 tháng (tính theo số liệu thống kê trung bình trong 06 tháng liên tục) từ 1.000.000 (một triệu) lượt trở lên có trách nhiệm khóa tính năng đăng tải, bình luận, chia sẻ hoặc bày tỏ cảm xúc trên mạng xã hội đối với tài khoản của người sử dụng là trẻ em dưới 13 tuổi. Đối với tài khoản của người sử dụng là trẻ em từ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội chỉ được mở các tính năng đăng tải, bình luận, chia sẻ hoặc bày tỏ cảm xúc trên mạng xã hội nếu cung cấp được các công cụ giải pháp kỹ thuật để cha, mẹ hoặc người giám hộ

của trẻ em giám sát được nội dung trẻ em đăng tải, truy cập, kiểm soát danh sách bạn bè và thời gian sử dụng mạng xã hội của trẻ em.”

3. Sửa đổi, bổ sung điểm k khoản 3 như sau:

“k) Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài cung cấp kho ứng dụng phải thực hiện việc gỡ bỏ các ứng dụng vi phạm pháp luật khi có yêu cầu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Công an và cơ quan có thẩm quyền; tuân thủ các quy định của pháp luật về thanh toán của Việt Nam; có giải pháp hiển thị kết quả phân loại độ tuổi trò chơi điện tử trên mạng đúng với Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng, Quyết định phát hành trò chơi điện tử G5 trên mạng hoặc Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng; yêu cầu doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng cho người chơi tại Việt Nam cung cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng, Quyết định phát hành trò chơi điện tử G5 trên mạng hoặc Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng khi đăng tải trò chơi điện tử lên kho ứng dụng. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng phải chịu trách nhiệm về sự trung thực của các thông tin, tài liệu mà mình cung cấp cho kho ứng dụng.”

4. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 như sau:

“b) Văn bản Thông báo gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tới tổ chức hành chính thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch được giao thực hiện quản lý nhà nước về thông tin điện tử (sau đây gọi là cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử) hoặc gửi thư điện tử (email) đến địa chỉ report_abai@bvhttdl.gov.vn hoặc qua các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

Trường hợp gửi qua thư điện tử (email) phải có chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử có trách nhiệm tiếp nhận văn bản Thông báo của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài.”

5. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 như sau:

“b) Các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài thực hiện quy trình xử lý nội dung, dịch vụ, ứng dụng vi phạm pháp luật như sau:

Ngăn chặn, gỡ bỏ nội dung, dịch vụ, ứng dụng vi phạm pháp luật Việt Nam chậm nhất là 24 giờ kể từ khi có yêu cầu bằng văn bản hoặc qua phương tiện điện tử của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Công an hoặc cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật chuyên ngành; trường hợp cung cấp kho ứng

dụng, các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài có trách nhiệm ngăn chặn, gỡ bỏ các ứng dụng vi phạm trên kho ứng dụng do mình quản lý theo đúng thời hạn nêu trên;

Ngăn chặn, gỡ bỏ nội dung xâm phạm an ninh quốc gia Việt Nam kịp thời và chậm nhất không quá 06 giờ kể từ khi có yêu cầu bằng văn bản hoặc qua phương tiện điện tử của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Công an hoặc cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật chuyên ngành; tắt hoặc khóa kịp thời tính năng phát trực tuyến (livestream) có nội dung vi phạm khi có yêu cầu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Công an;

Tạm khóa tài khoản, trang cộng đồng, nhóm cộng đồng, kênh nội dung không cho người sử dụng tại Việt Nam truy cập chậm nhất là 24 giờ kể từ khi có yêu cầu bằng văn bản hoặc qua phương tiện điện tử của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Công an hoặc cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật chuyên ngành đối với các tài khoản, trang cộng đồng, nhóm cộng đồng, kênh nội dung thường xuyên cung cấp nội dung vi phạm pháp luật (trong thời hạn 30 ngày có ít nhất 05 lần hoặc trong thời hạn 90 ngày có ít nhất 10 lần cung cấp nội dung vi phạm bị yêu cầu ngăn chặn, gỡ bỏ). Thời hạn khóa tạm thời từ 07 ngày đến 30 ngày, tùy thuộc vào số lần và mức độ vi phạm;

Khóa vĩnh viễn tài khoản, trang cộng đồng, nhóm cộng đồng, kênh nội dung không cho người sử dụng tại Việt Nam truy cập chậm nhất là 24 giờ kể từ khi có yêu cầu bằng văn bản hoặc qua phương tiện điện tử của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Công an hoặc cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật chuyên ngành đối với các tài khoản, trang cộng đồng, nhóm cộng đồng, kênh nội dung đăng tải nội dung xâm phạm an ninh quốc gia hoặc đã bị khóa tạm thời từ 03 lần trở lên;

Trường hợp các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài không thực hiện quy định tại Khoản 3 Điều này hoặc không ngăn chặn, gỡ bỏ kịp thời các nội dung xâm phạm an ninh quốc gia Việt Nam theo yêu cầu, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Công an triển khai các biện pháp kỹ thuật để ngăn chặn toàn bộ nội dung, dịch vụ, ứng dụng vi phạm và thực hiện xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật. Biện pháp ngăn chặn chỉ được gỡ bỏ sau khi các vi phạm đã được tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài đã thực hiện đầy đủ các yêu cầu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Công an hoặc cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật chuyên ngành.”

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 24

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau:

“c) Cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước cung cấp thông tin theo quy định tại Nghị định số 224/2026/NĐ-CP ngày 24/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chuyển đổi số”.

2. Bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 5 như sau:

“d) Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp thiết lập từ hai (02) trang thông tin điện tử tổng hợp hoặc cung cấp từ hai (02) mạng xã hội trở lên thì mỗi trang thông tin điện tử tổng hợp, mỗi mạng xã hội phải có mục đích, lĩnh vực thông tin khác nhau;”

3. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 6 như sau:

“đ) Nền tảng số đa dịch vụ là nền tảng cung cấp, tích hợp nhiều dịch vụ trên cùng một trang thông tin điện tử hoặc một ứng dụng.

Nền tảng số đa dịch vụ khi cung cấp dịch vụ mạng xã hội và các dịch vụ chuyên ngành khác thuộc các ngành nghề kinh doanh có điều kiện thì phải có Giấy phép/Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội, Giấy phép/Giấy chứng nhận/Giấy xác nhận thông báo cung cấp các dịch vụ chuyên ngành khác và tuân thủ các quy định pháp luật liên quan;

Trên nền tảng số đa dịch vụ phải phân định rõ loại hình dịch vụ thành các chuyên mục riêng biệt theo nguyên tắc không xen lẫn nội dung giữa các dịch vụ với nhau.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 8 như sau:

“a) Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội đối với mạng xã hội có số lượng người truy cập thường xuyên lớn và mạng xã hội có cung cấp tính năng livestream;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp, sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận thông báo đối với mạng xã hội có số lượng người truy cập thường xuyên thấp; cấp sửa đổi, bổ sung và cấp gia hạn đối với Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có trụ sở chính hoạt động tại địa phương. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp cho cơ quan báo chí trung ương, cơ quan ngoại giao và lãnh sự, tổ chức, doanh nghiệp trực thuộc trung ương, tổ chức tôn giáo hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; tổ chức Chính phủ và phi Chính phủ nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.”

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 25

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm b khoản 3 như sau:

“a) Là cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được thành lập theo pháp luật Việt Nam, có chức năng, nhiệm vụ hoặc ngành, nghề đăng ký kinh doanh đã được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp phù hợp với hoạt động cung cấp thông tin điện tử tổng hợp;

b) Trường hợp thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp qua tên miền thì tên miền đó đã đăng ký sử dụng để thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp và đáp ứng quy định tại Điều 26 Nghị định này.”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 như sau:

“b) Trường hợp cung cấp dịch vụ mạng xã hội qua tên miền thì tên miền đó đã đăng ký sử dụng để cung cấp dịch vụ mạng xã hội và đáp ứng quy định tại Điều 26 Nghị định này;”

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 27

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau:

“a) Có bộ phận quản lý nội dung và bộ phận quản lý kỹ thuật. Nhân sự chịu trách nhiệm quản lý nội dung là người có quốc tịch Việt Nam và phải tham gia khóa tập huấn, đào tạo về quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin điện tử trên mạng do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan có thẩm quyền tổ chức trong vòng 12 tháng kể từ ngày Giấy phép được cấp.”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 như sau:

“a) Lưu trữ thông tin đăng ký tài khoản của người sử dụng dịch vụ tại Việt Nam, bao gồm: Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; số điện thoại di động tại Việt Nam (hoặc số định danh cá nhân); trường hợp người sử dụng dịch vụ mạng xã hội là trẻ em (dưới 16 tuổi) thì cha, mẹ hoặc người giám hộ theo pháp luật dân sự của trẻ em đăng ký tài khoản bằng thông tin của trẻ em và số điện thoại di động tại Việt Nam (hoặc số định danh cá nhân) của cha, mẹ hoặc người giám hộ theo pháp luật dân sự của trẻ em và có trách nhiệm giám sát, quản lý nội dung và thời gian trẻ em truy cập, sử dụng mạng xã hội phù hợp với độ tuổi;

Tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội có trách nhiệm phân phối nội dung phù hợp với độ tuổi của trẻ em; thiết lập mặc định mức bảo vệ quyền bí mật đời sống riêng tư cao nhất đối với tài khoản dành cho trẻ em; chủ động phát hiện, cảnh báo và ngăn chặn trẻ em tiếp cận các nội dung bạo lực, khiêu dâm, cờ bạc, ma túy, tự tử, thử thách nguy hiểm và các nội dung độc hại khác; có cơ chế phối hợp, cung cấp thông tin cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi phát hiện hành vi xâm hại trẻ em.”

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 29

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:

“b) Bản sao hợp lệ (bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao chứng thực hoặc bản sao chứng thực điện tử hoặc bản sao đối chiếu với bản gốc) Quyết định thành lập, Điều lệ hoạt động (đối với các tổ chức hội, đoàn thể). Quyết định thành lập hoặc Điều lệ hoạt động phải có chức năng nhiệm vụ phù hợp với nội dung thông tin cung cấp trên trang thông tin điện tử tổng hợp;”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Bản sao hợp lệ (bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao chứng thực hoặc bản sao chứng thực điện tử hoặc bản sao đối chiếu với bản gốc) Quyết định thành lập, Điều lệ hoạt động (đối với các tổ chức hội, đoàn thể). Quyết định thành lập hoặc Điều lệ hoạt động phải có chức năng nhiệm vụ phù hợp với nội dung thông tin cung cấp trên trang thông tin điện tử tổng hợp;”.

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung Điều 31

“Điều 31. Quy trình, thủ tục cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội, Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội

1. Quy trình, thủ tục cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội:

Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử sẽ gửi văn bản thông báo đến mạng xã hội có số lượng người truy cập thường xuyên lớn (qua dịch vụ bưu chính hoặc qua phương tiện điện tử) về việc nộp hồ sơ đề nghị cấp phép theo quy định.

Trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp vẫn được tiếp tục cung cấp dịch vụ mạng xã hội hiện có, nhưng phải nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội về cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử bằng một trong các hình thức sau: qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp nộp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, phải có chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Trong thời hạn 18 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử xem xét, cấp Giấy phép theo Mẫu số 19 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và gửi cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép một

đoạn mã (thể hiện biểu tượng mạng xã hội đã được cấp phép) qua địa chỉ thư điện tử của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

Trường hợp từ chối, Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày có văn bản trả lời yêu cầu sửa đổi, bổ sung, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp lại hồ sơ đã được hoàn thiện theo yêu cầu. Quá thời hạn nêu trên, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp mới thực hiện việc nộp hồ sơ bổ sung thì hồ sơ đó được tính là hồ sơ nộp lần đầu và thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản này.

Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện gắn đoạn mã đã được cấp vào nội dung mô tả dịch vụ trên kho ứng dụng (nếu có) và trên mạng xã hội. Đoạn mã được liên kết đến mục số liệu cấp phép trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử.

2. Quy trình, thủ tục cấp Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội:

a) Trước khi cung cấp dịch vụ mạng xã hội, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp phải gửi thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo Mẫu số 20 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và bản sao hợp lệ Quyết định thành lập, Điều lệ hoạt động (đối với các tổ chức hội, đoàn thể) đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đóng trụ sở chính bằng một trong các hình thức sau: qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, thành phố nơi cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đặt trụ sở chính hoặc nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp gửi trên Cổng dịch vụ công quốc gia, phải có chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo Mẫu số 21 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và gửi cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được cấp xác nhận thông báo một đoạn mã (thể hiện biểu tượng mạng xã hội đã thông báo) qua địa chỉ thư điện tử của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

Trường hợp từ chối, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày có văn bản trả lời yêu cầu sửa đổi, bổ sung, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp lại hồ sơ đã được

hoàn thiện theo yêu cầu. Quá thời hạn nêu trên, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp mới thực hiện việc nộp hồ sơ bổ sung thì hồ sơ đó được tính là hồ sơ nộp lần đầu và thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản này.

c) Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện gắn đoạn mã đã được cấp vào nội dung mô tả dịch vụ trên kho ứng dụng (nếu có) và trên mạng xã hội. Đoạn mã được liên kết đến mục số liệu cấp phép trên Cổng thông tin điện tử của Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.”

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung Điều 32

“Điều 32. Sửa đổi, bổ sung, gia hạn Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội, Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền xem xét, quyết định việc cấp xác nhận sửa đổi, bổ sung, gia hạn Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội, Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội.

2. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, Giấy phép/Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội phải làm thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép/Giấy xác nhận trong những trường hợp sau:

a) Trường hợp thay đổi tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội, tên của mạng xã hội (nếu có), loại hình dịch vụ, phạm vi cung cấp dịch vụ (tên miền, hệ thống phân phối ứng dụng), thay đổi nhân sự chịu trách nhiệm trước pháp luật và nhân sự quản lý nội dung quy định trong Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện hồ sơ, thủ tục theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP;

b) Trường hợp thay đổi khác với quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung nêu rõ lý do và thuyết minh chi tiết những nội dung đề nghị thay đổi, bao gồm các trường hợp:

Đối với trang thông tin điện tử tổng hợp: Thay đổi cơ quan chủ quản (nếu có); tên của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp; địa chỉ trụ sở chính; địa điểm đặt máy chủ; nhân sự chịu trách nhiệm trước pháp luật và nhân sự quản lý nội dung; tên trang (nếu có); thay đổi, bổ sung nội dung thông tin trên trang thông tin điện tử tổng hợp, phương thức cung cấp thông

tin (tên miền, hệ thống phân phối ứng dụng); tên cơ quan báo chí, lĩnh vực liên kết.

Đối với mạng xã hội: Thay đổi cơ quan chủ quản (nếu có); thay đổi địa chỉ trụ sở chính; thay đổi địa điểm đặt máy chủ quy định trong Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội.

Thay đổi cơ quan chủ quản (nếu có); thay đổi tên của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội; thay đổi địa chỉ trụ sở chính; thay đổi địa điểm đặt máy chủ; thay đổi nhân sự chịu trách nhiệm trước pháp luật và nhân sự quản lý nội dung; tên của mạng xã hội (nếu có), loại hình dịch vụ, phạm vi cung cấp dịch vụ (tên miền, hệ thống phân phối ứng dụng) quy định trong Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội.

c) Văn bản đề nghị thực hiện theo Mẫu số 22 (đối với Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp), Mẫu số 63 (đối với Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội và Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội) tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, kèm theo các tài liệu chứng minh có liên quan (nếu có).

3. Trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội, Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội:

a) Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này đến:

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đóng trụ sở chính đối với giấy phép trang thông tin điện tử tổng hợp/giấy xác nhận cung cấp dịch vụ mạng xã hội.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đóng trụ sở chính, đồng thời đến Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử đối với Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội.

b) Hình thức nộp hồ sơ bằng một trong các phương thức sau: qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, thành phố nơi cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đặt trụ sở chính hoặc nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia. Trường hợp nộp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, phải có chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm thẩm

định, cấp giấy xác nhận sửa đổi, bổ sung Giấy phép, Giấy xác nhận đã cấp theo Mẫu số 18 (đối với Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp), Mẫu số 64 (đối với Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội) tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Nội dung Giấy phép, Giấy xác nhận mới phải cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung và ghi rõ ngày cấp Giấy phép, Giấy xác nhận lần đầu, ngày cấp sửa đổi, bổ sung. Giấy phép, Giấy xác nhận sửa đổi, bổ sung có hiệu lực kể từ ngày cấp sửa đổi, bổ sung tới ngày hết hiệu lực của Giấy phép, Giấy xác nhận được cấp ban đầu;

d) Trường hợp từ chối cấp giấy xác nhận sửa đổi, bổ sung, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày có văn bản trả lời yêu cầu sửa đổi, bổ sung, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp lại hồ sơ đã được hoàn thiện theo yêu cầu. Quá thời hạn nêu trên, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp mới thực hiện việc nộp hồ sơ bổ sung thì hồ sơ đó được tính là hồ sơ nộp lần đầu và thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản này.

4. Gia hạn Giấy phép:

Chậm nhất 30 ngày trước khi hết hạn Giấy phép đã được cấp, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp muốn gia hạn Giấy phép đã được cấp gửi văn bản đề nghị gia hạn Giấy phép theo Mẫu số 25 (đối với Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp) về cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về thông tin điện tử thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; gửi văn bản đề nghị gia hạn Giấy phép theo Mẫu số 65 (đối với Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội) tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đóng trụ sở chính, đồng thời đến Cơ quan tham mưu chuyên môn quản lý nhà nước về thông tin điện tử thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Văn bản đề nghị gia hạn gửi bằng một trong các hình thức sau: qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, thành phố nơi cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đặt trụ sở chính hoặc nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia. Trường hợp nộp trên Cổng dịch vụ công quốc gia phải có chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đóng trụ sở chính thẩm định, cấp giấy xác nhận gia hạn Giấy phép đã cấp theo Mẫu số

18 (đối với Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp), Mẫu số 66 (đối với Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội) tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Việc xét gia hạn Giấy phép được thực hiện dựa trên việc cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tuân thủ các quy định trong Giấy phép và các quy định của pháp luật có liên quan về quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên mạng.

Trường hợp từ chối, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đóng trụ sở chính có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có văn bản trả lời hồ sơ gia hạn, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp lại hồ sơ đã được hoàn thiện theo yêu cầu. Quá thời hạn nêu trên, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp mới thực hiện việc nộp bổ sung thì hồ sơ đó được tính là hồ sơ nộp lần đầu và thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản này.”

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 36

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 như sau:

“3. Tuân thủ quy chế quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ mạng xã hội. Được cung cấp, chia sẻ đường dẫn (URL) dẫn trực tiếp về tác phẩm, nội dung gốc của các cơ quan báo chí hoặc chủ thể quyền sở hữu trí tuệ; việc sao chép, đăng tải lại toàn bộ hoặc một phần tác phẩm phải tuân thủ quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do mình lưu trữ, cung cấp, truyền đưa trên mạng xã hội, phát tán thông tin qua đường liên kết trực tiếp do mình thiết lập. Cha, mẹ hoặc người giám hộ theo pháp luật dân sự có trách nhiệm giám sát, quản lý nội dung và thời gian trẻ em truy cập, sử dụng mạng xã hội phù hợp với độ tuổi.”

2. Bổ sung khoản 9 vào sau khoản 8 như sau:

“9. Chủ tài khoản, chủ kênh nội dung, chủ trang cộng đồng, người quản trị nhóm cộng đồng trên mạng xã hội (sau đây gọi chung là chủ tài khoản, kênh, trang, nhóm) có tổng số người theo dõi hoặc thành viên của tất cả các tài khoản, kênh nội dung, trang cộng đồng, nhóm cộng đồng do mình quản lý có từ 1.000.000 người trở lên có trách nhiệm thông báo thông tin liên hệ bằng văn bản tới cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử theo Mẫu số 67 ban hành kèm theo Nghị định này.

Văn bản Thông báo gửi trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính tới cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử hoặc qua các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử có trách nhiệm tiếp nhận văn bản Thông báo của chủ tài khoản, kênh, trang, nhóm.”

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 37

1. Bổ sung điểm e vào sau điểm đ khoản 1 như sau:

“e) Trò chơi điện tử do người chơi tạo ra trên một nền tảng số có tính năng cho phép người sử dụng khởi tạo và phân phối trò chơi điện tử trên chính nền tảng đó thông qua tài khoản, nhân vật đại diện và cơ chế tương tác chung của nền tảng (gọi tắt là trò chơi G5).”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 như sau:

“2. Doanh nghiệp được phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng khi có Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng.

3. Doanh nghiệp được phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng khi có Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.”

3. Bổ sung khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8 vào sau khoản 4 như sau:

“5. Doanh nghiệp được phát hành trò chơi điện tử G5 trên mạng khi có Quyết định phát hành trò chơi điện tử G5 trên mạng.”

6. Thẩm quyền cấp phép:

a) Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử cấp, sửa đổi, bổ sung, đình chỉ, thu hồi Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng, Quyết định phát hành trò chơi điện tử G5 trên mạng;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp, sửa đổi, bổ sung, đình chỉ, thu hồi Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.

7. Nhà nước khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam đầu tư nghiên cứu, phát triển, sản xuất và phát hành các trò chơi điện tử trên mạng có nội dung thể hiện bản sắc, đặc trưng văn hóa, lịch sử Việt Nam và trò chơi có nội dung giáo dục, tuyên truyền, quảng bá các giá trị văn hóa, lịch sử Việt Nam để nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm số Việt Nam, đồng thời chủ động phát hành ra thị trường quốc tế để quảng bá hình ảnh, văn hóa, lịch sử, con người Việt Nam ra thế giới.

8. Quy định về tài khoản chơi thử trong trò chơi:

a) Tài khoản chơi thử là tài khoản do người chơi tạo ra nhưng chưa phải thực hiện xác thực tài khoản qua số điện thoại di động tại Việt Nam;

b) Doanh nghiệp yêu cầu người chơi khai báo độ tuổi, ngày, tháng, năm sinh để thực hiện phân loại độ tuổi người chơi theo quy định. Trường hợp người chơi là trẻ em (dưới 16 tuổi) thì cha, mẹ hoặc người giám hộ theo pháp luật dân sự của trẻ em có trách nhiệm giám sát và quản lý thời gian chơi, nội dung trò chơi của người chơi dưới 16 tuổi truy cập;

c) Tài khoản chơi thử có thời hạn hoạt động tối đa 07 ngày kể từ khi người chơi tạo tài khoản trong trò chơi;

d) Tài khoản chơi thử không được nạp tiền để mua vật phẩm ảo, đơn vị ảo, điểm thưởng trong trò chơi;

đ) Doanh nghiệp có trách nhiệm yêu cầu người chơi phải đăng ký tài khoản và thực hiện xác thực số điện thoại di động tại Việt Nam theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 37c, điểm d khoản 1 Điều 43, điểm a khoản 2 Điều 52 Nghị định này sau khi hết thời hạn của tài khoản chơi thử theo quy định tại điểm c khoản này. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày hết thời hạn của tài khoản chơi thử, nếu người chơi không thực hiện đăng ký tài khoản và xác thực số điện thoại di động tại Việt Nam thì doanh nghiệp không cho phép người chơi tiếp tục tham gia trò chơi, đồng thời thực hiện xóa thông tin của người sử dụng theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân”.

Điều 18. Bổ sung Điều 37a sau Điều 37

“Điều 37a. Thúc đẩy sản xuất và phát hành trò chơi điện tử trên mạng do Việt Nam sản xuất

1. Trò chơi điện tử trên mạng do Việt Nam sản xuất có yếu tố văn hóa, lịch sử Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Do doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam sản xuất và có quyền sở hữu trí tuệ hợp pháp với phần mềm trò chơi điện tử;

b) Nội dung, kịch bản trò chơi tuân thủ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 43 Nghị định này và có ít nhất ba yếu tố thể hiện bản sắc, đặc trưng của Việt Nam (gồm: Trang phục, tạo hình nhân vật; bối cảnh, địa danh, kiến trúc; phong tục, tập quán, lễ hội; nghệ thuật truyền thống; ẩm thực; biểu tượng quốc gia, biểu tượng văn hóa, lịch sử; các đặc trưng khác của Việt Nam);

c) Có tối thiểu 30% nhân sự tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất (lập trình, thiết kế, đồ họa, kiểm thử) phải là người lao động Việt Nam có hợp đồng

lao động.

2. Trò chơi điện tử trên mạng do Việt Nam sản xuất có nội dung giáo dục, tuyên truyền, quảng bá các giá trị văn hóa, lịch sử Việt Nam đáp ứng các điều kiện sau:

a) Do doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam sản xuất và có quyền sở hữu trí tuệ hợp pháp với phần mềm trò chơi điện tử;

b) Nội dung, kịch bản trò chơi khai thác một hoặc nhiều yếu tố thể hiện bản sắc đặc trưng văn hóa, lịch sử Việt Nam theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này phải được tích hợp xuyên suốt vào cốt truyện hoặc nhân vật, nhiệm vụ, bối cảnh hoặc cơ chế chơi cốt lõi của trò chơi, qua đó tạo nên nội dung và đặc trưng của trò chơi; không được chỉ sử dụng các yếu tố văn hóa, lịch sử Việt Nam dưới dạng hình ảnh, âm thanh, trang phục, vật phẩm hoặc các yếu tố minh họa, trang trí khác mà không có vai trò đối với nội dung và cách chơi của trò chơi;

c) Có tối thiểu 30% nhân sự tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất (lập trình, thiết kế, đồ họa, kiểm thử) phải là người lao động Việt Nam có hợp đồng lao động.

3. Doanh nghiệp sản xuất và phát hành trò chơi điện tử trên mạng thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Được phát hành thử nghiệm trong thời gian 30 ngày cho một lần thử nghiệm và được gia hạn thử nghiệm thêm 01 lần mà không phải thực hiện thủ tục cấp phép theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 37 Nghị định này với số lượng người chơi/tài khoản tham gia chạy thử nghiệm không vượt quá 5.000 người/tài khoản.

Trước 10 ngày phát hành thử nghiệm trò chơi, doanh nghiệp gửi Thông báo phát hành thử nghiệm trò chơi điện tử đến cơ quan có thẩm quyền cấp phép theo quy định tại khoản 6 Điều 37 Nghị định này bằng một trong các hình thức sau: qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp. Nội dung thông báo gồm các thông tin: tên trò chơi; kênh phân phối trò chơi; thông tin về phân loại độ tuổi; nội dung, kịch bản trò chơi kèm hình ảnh minh họa, thời điểm dự kiến phát hành thử nghiệm;

Cơ quan có thẩm quyền cấp phép tiếp nhận văn bản Thông báo của doanh nghiệp.

Trong thời gian phát hành thử nghiệm, doanh nghiệp được phép giới thiệu trò chơi nhưng không được thương mại hóa dưới mọi hình thức và phải hiển thị thông báo: “Phiên bản thử nghiệm” bên trong trò chơi, trên trang chủ

giới thiệu, cung cấp trò chơi (nếu có). Trường hợp phát hiện có vi phạm hoặc nhận được yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử, doanh nghiệp phải ngừng phát hành thử nghiệm ngay khi phát hiện vi phạm hoặc ngay khi nhận được yêu cầu, đồng thời thông báo cho người chơi và thực hiện các biện pháp xử lý theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp doanh nghiệp muốn phát hành chính thức trò chơi, trước khi hết thời gian thử nghiệm, doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục cấp phép theo quy định tại Điều 44, Điều 45 Nghị định này đối với trò chơi điện tử G1 trên mạng, quy định tại Điều 52 Nghị định này đối với trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.

Sau khi hết thời gian thử nghiệm, nếu doanh nghiệp vẫn tiếp tục cung cấp trò chơi không phép, cơ quan tham mưu chuyên môn quản lý nhà nước về thông tin điện tử sẽ thực hiện các biện pháp ngăn chặn và xử lý theo quy định.

b) Được ưu tiên tham gia các chương trình hỗ trợ phát triển công nghiệp nội dung số và công nghiệp sáng tạo, tham gia các chương trình xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm trò chơi điện tử Việt Nam ở trong nước và quốc tế; được hỗ trợ, giới thiệu đưa lên các kho ứng dụng;

4. Doanh nghiệp sản xuất và phát hành trò chơi điện tử trên mạng thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Bố trí ít nhất một (01) chuyên gia có chuyên môn phù hợp để tư vấn về nội dung, cốt truyện của trò chơi liên quan đến giáo dục, tuyên truyền, quảng bá các giá trị văn hóa, lịch sử Việt Nam trong trò chơi;

b) Được phát hành thử nghiệm trong thời gian 30 ngày cho một lần thử nghiệm và được gia hạn thử nghiệm thêm 02 lần mà không phải thực hiện thủ tục cấp phép theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 37 Nghị định này với số lượng người chơi/tài khoản tham gia chạy thử nghiệm không vượt quá 5.000 người/tài khoản.

Trước 10 ngày phát hành thử nghiệm trò chơi, doanh nghiệp gửi Thông báo phát hành thử nghiệm trò chơi điện tử đến cơ quan có thẩm quyền cấp phép theo quy định tại khoản 6 Điều 37 Nghị định này bằng hình thức sau: qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp. Nội dung thông báo gồm các thông tin: tên trò chơi; kênh phân phối trò chơi; thông tin về phân loại độ tuổi; nội dung, kịch bản trò chơi kèm hình ảnh minh họa; thời điểm dự kiến phát hành thử nghiệm; thông tin về chuyên gia tư vấn chuyên môn quy định tại điểm a khoản này.

Cơ quan có thẩm quyền cấp phép tiếp nhận văn bản Thông báo của Doanh

nghiệp. Văn bản Thông báo gửi bằng một trong các hình thức sau: qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Trường hợp gửi qua Cổng dịch vụ công quốc gia phải có chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Trong thời gian phát hành thử nghiệm, doanh nghiệp được phép giới thiệu trò chơi nhưng không được thương mại hóa dưới mọi hình thức và phải hiển thị thông báo: “Phiên bản thử nghiệm” bên trong trò chơi, trên trang chủ giới thiệu, cung cấp trò chơi (nếu có). Trường hợp phát hiện trò chơi có nội dung vi phạm quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, doanh nghiệp phải ngừng ngay việc phát hành thử nghiệm, thông báo cho người chơi và thực hiện các biện pháp xử lý theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp doanh nghiệp muốn phát hành chính thức trò chơi này, trước khi hết thời gian thử nghiệm, doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục cấp phép theo quy định tại Điều 44, Điều 45 Nghị định này đối với trò chơi điện tử G1 trên mạng, quy định tại Điều 52 Nghị định này đối với trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.

Sau khi hết thời gian thử nghiệm, nếu doanh nghiệp vẫn tiếp tục cung cấp trò chơi không phép, cơ quan tham mưu chuyên môn quản lý nhà nước về thông tin điện tử sẽ thực hiện các biện pháp ngăn chặn và xử lý theo quy định;

c) Được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế theo quy định tại Nghị quyết 28/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội về phát triển văn hóa Việt Nam cụ thể: Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời hạn 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất, phát triển trò chơi điện tử trên mạng thuộc đối tượng khuyến khích quy định tại Điều này. Việc xác định thời gian miễn thuế, giảm thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp; Miễn thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp, quyền góp vốn, quyền mua cổ phần, quyền mua phần vốn góp trong doanh nghiệp thực hiện hoạt động đầu tư, sản xuất, phát triển trò chơi điện tử trên mạng thuộc đối tượng khuyến khích quy định tại Điều này; Miễn thuế thu nhập cá nhân trong thời hạn 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của chuyên gia, nhà khoa học nhận được từ hoạt động văn hoá của doanh nghiệp.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành khung tiêu chí đánh giá trò chơi điện tử trên mạng có nội dung giáo dục, tuyên truyền, quảng bá các giá trị

văn hóa, lịch sử Việt Nam;

c) Được ưu tiên tham gia các chương trình hỗ trợ phát triển công nghiệp nội dung số và công nghiệp sáng tạo, tham gia các chương trình xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm trò chơi điện tử Việt Nam ở trong nước và quốc tế; được hỗ trợ, giới thiệu đưa lên các kho ứng dụng.

4. Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử thực hiện việc thẩm định, cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng có nội dung thể hiện bản sắc, đặc trưng văn hóa, lịch sử Việt Nam và trò chơi có nội dung giáo dục, tuyên truyền, quảng bá các giá trị văn hóa, lịch sử Việt Nam.

Thủ tục, quy trình cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng có nội dung thể hiện bản sắc, đặc trưng văn hóa, lịch sử Việt Nam và trò chơi có nội dung giáo dục, tuyên truyền, quảng bá các giá trị văn hóa, lịch sử Việt Nam thực hiện theo quy định tại Điều 44, Điều 45 Nghị định này.

Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử có trách nhiệm thành lập Hội đồng thẩm định để xác định trò chơi điện tử trên mạng có nội dung giáo dục, tuyên truyền, quảng bá các giá trị văn hóa, lịch sử Việt Nam trên cơ sở khung tiêu chí đánh giá được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành. Thành viên của Hội đồng thẩm định gồm các chuyên gia, nhà khoa học, đại diện cơ quan, tổ chức có liên quan về lĩnh vực văn hóa, lịch sử Việt Nam.

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử gửi doanh nghiệp Báo cáo kết quả thẩm định trò chơi điện tử trên mạng có nội dung giáo dục, tuyên truyền, quảng bá các giá trị văn hóa, lịch sử Việt Nam. Báo cáo kết quả thẩm định kèm theo Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng là căn cứ xác định trò chơi có nội dung giáo dục, tuyên truyền, quảng bá các giá trị văn hóa, lịch sử Việt Nam.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc thẩm định, cấp Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng có nội dung thể hiện bản sắc, đặc trưng văn hóa, lịch sử Việt Nam và trò chơi có nội dung giáo dục, tuyên truyền, quảng bá các giá trị văn hóa, lịch sử Việt Nam.

Hồ sơ, thủ tục, quy trình cấp Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng có nội dung thể hiện bản sắc, đặc trưng văn hóa, lịch sử Việt Nam và trò chơi có nội dung giáo dục, tuyên truyền, quảng bá các giá trị văn hóa, lịch sử Việt Nam thực hiện theo quy định tại Điều 52 Nghị định này.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định để xác định trò

chơi điện tử trên mạng có nội dung giáo dục, tuyên truyền, quảng bá các giá trị văn hóa, lịch sử Việt Nam trên cơ sở khung tiêu chí đánh giá được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành.

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi doanh nghiệp Báo cáo kết quả thẩm định trò chơi điện tử trên mạng có nội dung giáo dục, tuyên truyền, quảng bá các giá trị văn hóa, lịch sử Việt Nam. Báo cáo kết quả thẩm định kèm theo Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng là căn cứ xác định trò chơi có nội dung giáo dục, tuyên truyền, quảng bá các giá trị văn hóa, lịch sử Việt Nam.

6. Trường hợp trò chơi điện tử trên mạng chỉ cung cấp cho thị trường nước ngoài và không hướng tới người sử dụng tại Việt Nam thì không phải thực hiện thủ tục cấp phép phát hành tại Việt Nam nhưng tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân phát hành trò chơi phải bảo đảm không thực hiện hoạt động quảng cáo, hỗ trợ thanh toán hoặc các hoạt động khác nhằm cung cấp dịch vụ cho người sử dụng tại Việt Nam.

7. Doanh nghiệp phát hành thử nghiệm trò chơi điện tử theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này phải tuân thủ các quy định về phát hành trò chơi điện tử theo quy định tại Nghị định này trừ quy định xác thực tài khoản người chơi bằng số điện thoại di động tại Việt Nam.”

Điều 19. Bổ sung Điều 37b sau Điều 37a

“Điều 37b. Quản lý trò chơi điện tử trên mạng sử dụng trong thi đấu thể thao điện tử:

1. Trò chơi điện tử trên mạng sử dụng trong thi đấu thể thao điện tử là trò chơi đã được cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng.

2. Đối với trò chơi điện tử trên mạng có phiên bản, nội dung, tính năng khác so với phiên bản đã được cấp Quyết định phát hành, tổ chức, doanh nghiệp tổ chức giải đấu thể thao điện tử thực hiện thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng theo quy định tại Điều 46 Nghị định này trước khi tổ chức giải đấu thể thao điện tử.

3. Đối với trò chơi điện tử trên mạng chưa được cấp phép phát hành tại Việt Nam, tổ chức, doanh nghiệp tổ chức giải đấu thể thao điện tử thực hiện thủ tục đề nghị cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng theo quy định tại Điều 43, Điều 44 Nghị định này trước khi tổ chức giải đấu thể thao điện tử.

4. Tổ chức, doanh nghiệp tổ chức giải đấu thể thao điện tử thực hiện đăng

ký tổ chức giải đấu theo quy định pháp luật về thể dục thể thao.

5. Quy định về thời gian chơi trò chơi và phân loại độ tuổi trò chơi điện tử G1 trên mạng theo quy định tại khoản 1 Điều 38 và quy định tại điểm c, điểm đ khoản 1 Điều 43 Nghị định này không áp dụng đối với vận động viên dưới 16 tuổi trong thời gian tập luyện, thi đấu chính thức trong khuôn khổ giải đấu thể thao điện tử được cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc công nhận. Vận động viên dưới 16 tuổi phải tuân thủ các quy định của pháp luật về thể thao và điều lệ giải đấu về thời gian, chế độ tập luyện, thi đấu.

Tổ chức, doanh nghiệp quản lý đội tuyển thi đấu thể thao điện tử và tổ chức giải đấu có trách nhiệm xây dựng, quản lý lịch tập luyện, thi đấu phù hợp với thể trạng, sức khỏe thể chất và tinh thần của vận động viên.

6. Tổ chức, doanh nghiệp sử dụng trò chơi điện tử để tổ chức giải đấu thể thao điện tử tại Việt Nam có trách nhiệm:

a) Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong việc kiểm tra, giám sát việc sử dụng trò chơi điện tử G1 trên mạng trong hoạt động thi đấu theo quy định của pháp luật;

b) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin do mình cung cấp liên quan đến trò chơi điện tử G1 trên mạng được sử dụng để tổ chức giải đấu;

c) Tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý trò chơi theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan trong quá trình tổ chức giải đấu, cung cấp và sử dụng trò chơi điện tử để thi đấu;

d) Đối với vận động viên dưới 16 tuổi, bảo đảm vận động viên thuộc danh sách thi đấu, tập luyện chính thức của giải đấu.”

Điều 20. Bổ sung Điều 37c sau Điều 37b

“Điều 37c. Cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử G5 trên mạng

1. Doanh nghiệp được cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử G5 trên mạng khi có đủ các điều kiện sau:

a) Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, có ngành nghề cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng đã được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp; có trụ sở chính với địa chỉ và số điện thoại liên hệ rõ ràng và liên hệ được;

b) Nội dung, kịch bản trò chơi điện tử không vi phạm các quy định tại Điều 7 Luật An ninh mạng và quy định về sở hữu trí tuệ; không mô phỏng các

trò chơi có thưởng trong các cơ sở kinh doanh casino, các trò chơi sử dụng hình ảnh lá bài; không có các hình ảnh, âm thanh, ngôn ngữ hoặc các hình thức thể hiện khác trong trò chơi có nội dung mô tả, thể hiện hoặc cổ súy các hành vi miêu tả cụ thể các hành động: xuyên tạc, phủ nhận, bóp méo hoặc xúc phạm các giá trị, truyền thống lịch sử, văn hóa tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc, bảo vệ và xây dựng đất nước, thống nhất đất nước; xúc phạm, xuyên tạc, phủ nhận hoặc hạ thấp uy tín, danh dự của anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa và các nhân vật lịch sử có vai trò, đóng góp quan trọng đối với dân tộc Việt Nam; xuyên tạc, phủ nhận hoặc xâm phạm chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và sự toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam; khủng bố, tra tấn người, xâm hại, buôn bán phụ nữ và trẻ em, kích động tự tử, bạo lực, khiêu dâm, dung tục trái với truyền thống đạo đức, văn hóa, thuần phong mỹ tục của dân tộc; sử dụng ma túy, uống rượu, hút thuốc lá, đánh bạc và các hành vi vi phạm pháp luật khác;

c) Có hệ thống kỹ thuật bảo đảm xác định, quản lý và hiển thị độ tuổi phù hợp đối với từng trò chơi, màn chơi và nội dung, kịch bản trò chơi theo quy định tại Điều 38 Nghị định này;

d) Có hệ thống thiết bị kỹ thuật bảo đảm lưu trữ, cập nhật đầy đủ thông tin của người chơi tại Việt Nam bao gồm: Họ và tên, ngày tháng năm sinh, số điện thoại di động tại Việt Nam. Thực hiện việc xác thực tài khoản người chơi bằng số điện thoại di động tại Việt Nam, bảo đảm chỉ những tài khoản đã xác thực mới được tham gia chơi trò chơi trực tuyến hợp quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 8 Điều 37 Nghị định này; thực hiện xóa thông tin của người chơi sau khi hết hạn thời gian lưu trữ theo quy định;

Trường hợp người chơi là trẻ em (dưới 16 tuổi) thì cha, mẹ hoặc người giám hộ theo pháp luật dân sự của trẻ em đăng ký tài khoản bằng thông tin của trẻ em và số điện thoại di động tại Việt Nam của cha, mẹ hoặc người giám hộ theo pháp luật dân sự của trẻ em; thực hiện xác thực tài khoản bằng số điện thoại của cha, mẹ hoặc người giám hộ; cha, mẹ hoặc người giám hộ theo pháp luật dân sự có trách nhiệm giám sát và quản lý thời gian chơi, nội dung trò chơi của người chơi dưới 16 tuổi truy cập;

đ) Có hệ thống thiết bị kỹ thuật bảo đảm quản lý thời gian chơi trong ngày của người chơi là trẻ em (dưới 16 tuổi) không quá 60 phút một ngày đối với tất cả trò chơi dành cho người chơi dưới 16 tuổi do doanh nghiệp cung cấp. Khi thời gian chơi trong ngày còn 10 phút, phải hiển thị thông báo 'Thời gian

chơi chỉ còn lại 10 phút'; khi hết thời gian chơi theo quy định, phải hiển thị thông báo về việc kết thúc thời gian chơi trong ngày đối với người chơi là trẻ em (dưới 16 tuổi) và dừng trò chơi.

e) Có hệ thống thiết bị kỹ thuật bảo đảm hiển thị kết quả phân loại trò chơi và thông tin khuyến cáo về thời gian chơi “Chơi quá 60 phút một ngày sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe” đối với người chơi theo quy định sau:

Kết quả phân loại trò chơi phải được hiển thị liên tục tại vị trí dễ nhận biết trên màn hình giới thiệu, cung cấp từng trò chơi điện tử.

Thông tin khuyến cáo “Chơi quá 60 phút một ngày sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe” phải được hiển thị liên tục tại vị trí dễ nhận biết trên trang thông tin điện tử giới thiệu, cung cấp nền tảng tạo trò chơi, tại màn hình đăng nhập, đăng ký của nền tảng tạo trò chơi và trong từng trò chơi với tần suất 30 phút một lần, mỗi lần hiển thị ít nhất 10 giây;

g) Có hệ thống thiết bị kỹ thuật để kết nối thanh toán với các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán theo quy định của pháp luật, bảo đảm cập nhật, lưu trữ chính xác, đầy đủ và cho phép người chơi có thể tra cứu được thông tin chi tiết về tài khoản thanh toán của mình trên hệ thống ứng dụng trò chơi (tài khoản game);

h) Có hệ thống thiết bị kỹ thuật bảo đảm quản lý nội dung trao đổi, chia sẻ trong từng trò chơi, trên nền tảng tạo trò chơi và trên diễn đàn của nền tảng tạo trò chơi (nếu có) theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định này;

i) Được chủ sở hữu nền tảng tạo trò chơi ủy quyền hợp pháp để quản lý, vận hành, phát hành nền tảng tạo trò chơi và các trò chơi G5 trên nền tảng tại Việt Nam và các trò chơi, màn chơi, nội dung do người sử dụng tạo lập trên nền tảng; có quyền tạm ngừng cung cấp, khóa truy cập, gỡ bỏ trò chơi, màn chơi hoặc nội dung vi phạm; có chức năng lưu giữ nhật ký hoạt động của hệ thống nền tảng để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm;

k) Có phương án bảo vệ trẻ em theo quy định của pháp luật; có biện pháp kiểm soát việc tiếp cận trò chơi, màn chơi và nội dung trò chơi trên nền tảng phù hợp với độ tuổi của người chơi;

2. Hồ sơ đề nghị cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử G5 trên mạng bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử G5 trên mạng

theo Mẫu số 29 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Quyết định có từ hai trò chơi điện tử trở lên trong cùng một lần nộp hồ sơ, doanh nghiệp nộp kèm theo Danh mục trò chơi điện tử theo Mẫu số 29 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Việc sửa đổi, bổ sung, thu hồi hoặc thu hồi Quyết định đối với một trò chơi trong Danh mục trò chơi điện tử đã được cấp Quyết định không làm ảnh hưởng đến hiệu lực của các trò chơi điện tử còn lại, trừ trường hợp doanh nghiệp có đề nghị khác hoặc pháp luật có quy định khác;

b) Văn bản thỏa thuận hoặc văn bản ủy quyền của chủ sở hữu nền tảng tạo trò chơi cho doanh nghiệp được quản lý, vận hành, phát hành nền tảng tạo trò chơi tại Việt Nam. Văn bản, giấy tờ bằng tiếng nước ngoài phải được dịch sang tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật về chứng thực;

c) Đề án phát hành trò chơi điện tử G5 trên mạng có xác nhận của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đứng đầu doanh nghiệp đề nghị cấp Quyết định, bao gồm các nội dung sau:

Mô tả đối với từng trò chơi: Tên của trò chơi; nội dung, kịch bản trò chơi bao gồm: Mô tả cách chơi (thực hiện các nhiệm vụ của các nhân vật, hoạt động đối kháng giữa các nhân vật với nhau), hệ thống nhiệm vụ, bản đồ (sơ đồ), hình ảnh, hoạt động tương tác; kết quả phân loại độ tuổi người chơi; biện pháp quản lý nội dung trao đổi, chia sẻ trong từng trò chơi;

Mô tả đối với nền tảng tạo trò chơi: Cách thức hiển thị thông tin về phân loại độ tuổi và thông tin khuyến cáo theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều này; biện pháp quản lý nội dung trao đổi, chia sẻ trên nền tảng tạo trò chơi, diễn đàn của nền tảng tạo trò chơi (nếu có); thông tin về dịch vụ hỗ trợ thanh toán trong nền tảng tạo trò chơi, các hình thức thanh toán cho nền tảng tạo trò chơi và thu tiền của người chơi; thông tin về quá trình người chơi đăng ký tài khoản và thực hiện xác thực bằng số điện thoại di động tại Việt Nam.

d) Thiết bị lưu trữ/tài liệu điện tử thể hiện các hình ảnh, âm thanh, tính năng đặc trưng của từng trò chơi, hoạt động quản lý nội dung trao đổi, chia sẻ của người chơi trong từng trò chơi và nền tảng tạo trò chơi; hiển thị thông tin về phân loại độ tuổi, thông tin khuyến cáo trong từng trò chơi và nền tảng tạo trò chơi; bản cài đặt, đường dẫn truy cập hoặc tài khoản thử nghiệm của công cụ tạo lập trò chơi.

3. Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Quyết định phát hành trò

chơi điện tử G5 trên mạng đến cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử bằng một trong các hình thức sau: qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Trường hợp gửi qua Cổng dịch vụ công quốc gia phải có chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử tiến hành tổ chức thẩm định trò chơi. Trường hợp đáp ứng đầy đủ điều kiện, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử xem xét, cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử G5 trên mạng cho doanh nghiệp theo Mẫu số 30 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này..

Trường hợp từ chối, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Quyết định phát hành trò chơi điện tử G5 trên mạng có thời hạn theo thời hạn của văn bản thỏa thuận, ủy quyền của chủ sở hữu nền tảng tạo trò chơi cho doanh nghiệp được phát hành tại Việt Nam nhưng không quá 05 năm.

Trong trường hợp văn bản thỏa thuận, ủy quyền của chủ sở hữu nền tảng tạo trò chơi cho doanh nghiệp được phát hành nền tảng tạo trò chơi tại Việt Nam hết hạn, nếu doanh nghiệp cung cấp trò chơi điện tử trên mạng tiếp tục được ủy quyền phát hành thì thực hiện thủ tục đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Quyết định phát hành theo quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Trường hợp thay đổi nội dung ghi trong Quyết định phát hành trò chơi điện tử G5 trên mạng, doanh nghiệp thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung Quyết định phát hành.

Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ theo Mẫu số 31 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này đến cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử bằng một trong các hình thức sau: qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Trường hợp gửi qua Cổng dịch vụ công quốc gia phải có chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử xem xét, cấp sửa đổi, bổ sung Quyết định phát hành trò chơi điện tử G5 trên mạng cho doanh nghiệp theo Mẫu số 30 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp từ chối, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử có văn bản trả lời

và nêu rõ lý do.

5. Đình chỉ hoạt động cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G5 trên mạng; thu hồi Quyết định phát hành trò chơi điện tử G5 trên mạng

a) Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử ban hành Quyết định đình chỉ phát hành trò chơi điện tử G5 trên mạng trong thời hạn từ 01 đến 03 tháng khi doanh nghiệp vi phạm một trong các trường hợp sau: Vi phạm quy định tại Điều 7 Luật An ninh mạng; không đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này sau khi đã được cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử yêu cầu khắc phục bằng văn bản.

b) Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử thu hồi Quyết định phát hành trò chơi điện tử G5 trên mạng khi: Doanh nghiệp đình chỉ phát hành theo quy định tại điểm a khoản này nhưng không triển khai các biện pháp khắc phục bảo đảm tính khả thi sau khi hết thời gian bị đình chỉ; các trường hợp Quyết định hết hiệu lực theo quy định tại khoản 3 Điều này; có văn bản thông báo chấm dứt hoạt động hoặc sau 12 tháng kể từ ngày Quyết định có hiệu lực mà doanh nghiệp không triển khai cung cấp dịch vụ và không có báo cáo với cơ quan có thẩm quyền cấp Quyết định.

c) Trình tự, thủ tục đình chỉ hoạt động, thu hồi Quyết định phát hành trò chơi điện tử G5 trên mạng:

Khi phát hiện doanh nghiệp vi phạm quy định tại Điều 7 Luật An ninh mạng, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử ban hành Quyết định đình chỉ phát hành trò chơi điện tử G5 trên mạng của doanh nghiệp trong thời hạn 03 tháng;

Khi phát hiện doanh nghiệp không đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này sau khi đã được cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử yêu cầu khắc phục bằng văn bản, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử ra thông báo bằng văn bản yêu cầu doanh nghiệp khắc phục. Sau 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn yêu cầu trong văn bản thông báo mà doanh nghiệp không khắc phục thì cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử ban hành Quyết định đình chỉ phát hành trò chơi điện tử G5 trên mạng của doanh nghiệp trong thời hạn 03 tháng;

Khi phát hiện doanh nghiệp vi phạm quy định điểm b Điều này, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử ra Quyết định thu hồi Quyết định phát hành trò chơi điện tử G5 trên mạng của doanh nghiệp.

d) Cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp kỹ thuật cần thiết để ngăn chặn, đình chỉ phát hành trò chơi điện tử G5 trên mạng trong các trường hợp sau: Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G5 trên mạng không thực hiện việc dừng phát hành trò chơi có nội dung vi phạm quy định tại Điều 7 Luật An ninh mạng hoặc tại khoản 1 Điều này theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; cơ quan có thẩm quyền không thể liên hệ được với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng (qua thông tin liên hệ trên Quyết định) trong thời hạn 24 giờ (kể từ khi cơ quan có thẩm quyền liên hệ lần đầu) để yêu cầu dừng phát hành trò chơi có nội dung vi phạm quy định tại Điều 7 Luật An ninh mạng; Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G5 trên mạng không thực hiện dừng hoặc chấm dứt hoạt động theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại điểm c khoản này.”

Điều 21. Sửa đổi, bổ sung Điều 38

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 38 như sau:

“1. Trò chơi điện tử trên mạng được phân loại theo các độ tuổi như sau:

a) Trò chơi điện tử trên mạng dành cho người chơi mọi lứa tuổi (ký hiệu 00+) là trò chơi phù hợp với mọi lứa tuổi, đáp ứng các tiêu chí sau: Nội dung không có yếu tố bạo lực hoặc chỉ có yếu tố đối kháng ở mức đơn giản, mang tính giải trí, thi đấu hoặc tương tác nhẹ nhàng; hình ảnh, âm thanh mang tính hoạt hình, giả tưởng; không mô tả chi tiết hành vi gây tổn hại; nhân vật bị loại bỏ được thể hiện bằng các hiệu ứng phi thực tế như biến mất, ngã xuống hoặc chuyển trạng thái; không có hình ảnh, âm thanh về máu, thương tích, xác chết hoặc các yếu tố gây sợ hãi, kinh dị dưới bất kỳ hình thức nào; không có nội dung, hình ảnh, âm thanh mang tính gợi cảm, khiêu dâm, khỏa thân, thô tục hoặc ám chỉ tình dục; không có hành vi nguy hiểm hoặc nội dung có khả năng bị trẻ em bắt chước gây ảnh hưởng tiêu cực;

b) Trò chơi điện tử trên mạng dành cho người chơi từ 12 tuổi trở lên (ký hiệu 12+) là trò chơi đáp ứng các tiêu chí sau: Có yếu tố bạo lực ở mức nhẹ, chủ yếu mang tính giả tưởng, không mô tả chi tiết hành vi gây tổn hại; có thể xuất hiện các tình huống chiến đấu hoặc đối kháng với hiệu ứng rõ ràng, nhưng không có hình ảnh máu, thương tích tả thực hoặc xác chết; yếu tố căng thẳng, hồi hộp ở mức hạn chế, không gây ám ảnh tâm lý; có thể có yếu tố gây sợ hãi ở mức nhẹ nhưng không kéo dài hoặc gây ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lý người chơi; không có nội dung, hình ảnh, âm thanh mang tính gợi cảm, khiêu dâm, khỏa thân, thô tục hoặc ám chỉ tình dục; không có hành vi nguy hiểm hoặc nội

dung có khả năng bị trẻ em bắt chước gây ảnh hưởng tiêu cực;

c) Trò chơi dành cho người chơi từ 16 tuổi trở lên (ký hiệu là 16+) là trò chơi đáp ứng các tiêu chí sau: Có yếu tố bạo lực ở mức trung bình, có thể mô tả chi tiết hơn các tình huống chiến đấu nhưng không mang tính cực đoan; có thể xuất hiện thương tích ở mức hạn chế; có yếu tố căng thẳng, hồi hộp hoặc kinh dị ở mức vừa phải nhưng không gây tác động tiêu cực nghiêm trọng đến tâm lý; ngôn ngữ sử dụng mang tính biểu đạt mạnh nhưng không thô tục, xúc phạm nghiêm trọng; không có nội dung khiêu dâm, khỏa thân hoặc mô tả chi tiết các bộ phận nhạy cảm của cơ thể; không có âm thanh, hình ảnh bạo lực cực độ, mô tả chi tiết máu me, nội tạng, vết thương hở hoặc hành vi xé xác, cảnh tra tấn chi tiết, yếu tố kinh dị mạnh gây ám ảnh tâm lý nghiêm trọng;

d) Trò chơi dành cho người chơi từ 18 tuổi trở lên (ký hiệu là 18+) là trò chơi không có hoạt động, hình ảnh, âm thanh, ngôn ngữ, lời thoại khiêu dâm, thô tục; đối với trò chơi có hoạt động đối kháng, chiến đấu thì có sử dụng hình ảnh vũ khí mô phỏng thực tế, nhân vật mô phỏng người thật; có thể có yếu tố kinh dị, căng thẳng tâm lý hoặc nội dung phức tạp.”

2. Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 38 như sau:

“c) Kết quả phân loại trò chơi phải được hiển thị liên tục tại vị trí dễ nhận biết trên trang thông tin điện tử giới thiệu, cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng, trong các nội dung quảng cáo và tại màn hình đăng nhập, đăng ký của trò chơi; vị trí hiển thị do doanh nghiệp chủ động lựa chọn. Biểu tượng của kết quả phân loại trò chơi phải có kích thước và màu sắc dễ nhận biết.”

Điều 22. Sửa đổi, bổ sung Điều 43 như sau:

“1. Doanh nghiệp được cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử GI trên mạng khi có đủ các điều kiện sau:

a) Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, có ngành nghề cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng đã được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp; có trụ sở chính với địa chỉ và số điện thoại liên hệ rõ ràng và liên hệ được;

b) Nội dung, kịch bản trò chơi điện tử không vi phạm các quy định tại Điều 7 Luật An ninh mạng và quy định về sở hữu trí tuệ; không mô phỏng các trò chơi có thưởng trong các cơ sở kinh doanh casino, các trò chơi sử dụng hình ảnh lá bài; không có các hình ảnh, âm thanh, ngôn ngữ hoặc các hình thức thể hiện khác trong trò chơi có nội dung mô tả, thể hiện hoặc cổ súy các hành vi

miêu tả cụ thể các hành động: xuyên tạc, phỉ nhận, bóp méo hoặc xúc phạm các giá trị, truyền thống lịch sử, văn hóa tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc, bảo vệ và xây dựng đất nước, thống nhất đất nước; xúc phạm, xuyên tạc, phỉ nhận hoặc hạ thấp uy tín, danh dự của anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa và các nhân vật lịch sử có vai trò, đóng góp quan trọng đối với dân tộc Việt Nam; xuyên tạc, phỉ nhận hoặc xâm phạm chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và sự toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam; khủng bố, tra tấn người, xâm hại, buôn bán phụ nữ và trẻ em, kích động tự tử, bạo lực, khiêu dâm, dung tục trái với truyền thống đạo đức, văn hóa, thuần phong mỹ tục của dân tộc; sử dụng ma túy, uống rượu, hút thuốc lá, đánh bạc và các hành vi vi phạm pháp luật khác; khuyến khích trao thưởng cho hành vi sát hại, hành hạ nhân vật, không trình bày hồi sinh nhân vật theo cách có nguy cơ làm người chơi hiểu sai rằng hậu quả chết người ngoài đời có thể dễ dàng đảo ngược; phân biệt chủng tộc, tôn giáo, phân biệt đối xử về giới;

c) Trò chơi điện tử trên mạng có kết quả phân loại trò chơi theo độ tuổi phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định này;

d) Có hệ thống thiết bị kỹ thuật bảo đảm lưu trữ, cập nhật đầy đủ thông tin của người chơi tại Việt Nam bao gồm: Họ và tên, ngày tháng năm sinh, số điện thoại di động tại Việt Nam. Thực hiện việc xác thực tài khoản người chơi bằng số điện thoại di động tại Việt Nam, bảo đảm chỉ những tài khoản đã xác thực mới được tham gia chơi trò chơi trừ trường hợp quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 8 Điều 37 Nghị định này; thực hiện xóa thông tin của người chơi theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân;

Trường hợp người chơi là trẻ em (dưới 16 tuổi) thì cha, mẹ hoặc người giám hộ theo pháp luật dân sự của trẻ em đăng ký tài khoản bằng thông tin của trẻ em và số điện thoại di động tại Việt Nam của cha, mẹ hoặc người giám hộ theo pháp luật dân sự của trẻ em; thực hiện xác thực tài khoản bằng số điện thoại của cha, mẹ hoặc người giám hộ; cha, mẹ hoặc người giám hộ theo pháp luật dân sự có trách nhiệm giám sát và quản lý thời gian chơi, nội dung trò chơi của người chơi dưới 16 tuổi truy cập;

đ) Có hệ thống thiết bị kỹ thuật bảo đảm quản lý thời gian chơi trong ngày của người chơi là trẻ em (dưới 16 tuổi) không quá 60 phút một ngày đối với tất cả trò chơi dành cho người chơi dưới 16 tuổi do doanh nghiệp cung cấp. Khi thời gian chơi trong ngày còn 10 phút, phải hiển thị thông báo 'Thời gian chơi chỉ còn lại 10 phút'; khi hết thời gian chơi theo quy định, phải hiển thị

thông báo về việc kết thúc thời gian chơi trong ngày đối với người chơi là trẻ em (dưới 16 tuổi) và dừng trò chơi.

e) Có hệ thống thiết bị kỹ thuật bảo đảm hiển thị kết quả phân loại trò chơi và thông tin khuyến cáo về thời gian chơi đối với người chơi theo quy định sau:

Kết quả phân loại trò chơi hiển thị theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 38 Nghị định này.

Thông tin khuyến cáo phải được hiển thị tại vị trí dễ nhận biết và theo các hình thức sau: Hiển thị liên tục trên trang thông tin điện tử giới thiệu, cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng và tại màn hình đăng nhập, đăng ký trò chơi; Hiển thị trên màn hình thiết bị khi người chơi đang sử dụng trò chơi với tần suất 30 phút một lần, mỗi lần hiển thị ít nhất 10 giây;

g) Có hệ thống thiết bị kỹ thuật để kết nối thanh toán với các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán theo quy định của pháp luật, bảo đảm cập nhật, lưu trữ chính xác, đầy đủ và cho phép người chơi có thể tra cứu được thông tin chi tiết về tài khoản thanh toán của mình trên hệ thống ứng dụng trò chơi (tài khoản game);

h) Có hệ thống thiết bị kỹ thuật bảo đảm quản lý nội dung trao đổi, chia sẻ trong trò chơi và trên diễn đàn của trò chơi (nếu có) theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định này.”

2. Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng có thời hạn theo thời hạn của văn bản thỏa thuận cho doanh nghiệp được phát hành tại Việt Nam nhưng không quá 05 năm. Trường hợp văn bản thỏa thuận cho doanh nghiệp được phát hành tại Việt Nam được tiếp tục gia hạn thì thực hiện thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng theo quy định tại Điều 46 Nghị định này.”.

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 44

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 như sau:

“2. Giấy tờ, tài liệu, bằng chứng chứng minh quyền sở hữu trí tuệ đối với trò chơi theo quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ; văn bản thỏa thuận cho doanh nghiệp được phát hành trò chơi tại Việt Nam (văn bản, giấy tờ bằng tiếng nước ngoài phải dịch sang tiếng Việt có chứng thực theo quy định của pháp luật về chứng thực).

3. Đề án phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng có xác nhận của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đứng đầu doanh nghiệp

đề nghị cấp Quyết định, bao gồm các nội dung sau:

a) Tên, nguồn gốc, xuất xứ, phiên bản phát hành của trò chơi; Nội dung, kịch bản trò chơi bao gồm: Cốt truyện, mô tả cách chơi (thực hiện các nhiệm vụ của các nhân vật, hoạt động đối kháng giữa các nhân vật với nhau), hệ thống nhân vật (bao gồm hình ảnh nhân vật, tính năng, kỹ năng nhân vật), hệ thống nhiệm vụ, bản đồ (sơ đồ), âm thanh, hình ảnh, hoạt động tương tác;

b) Hệ thống đơn vị ảo, vật phẩm ảo, điểm thưởng;

c) Kết quả phân loại độ tuổi người chơi; mô tả cách thức hiển thị logo phân loại độ tuổi và thông tin khuyến cáo theo quy định tại điểm d, điểm e khoản 1 Điều 43 Nghị định này;

d) Biện pháp quản lý nội dung trao đổi, chia sẻ trong trò chơi và trên diễn đàn của trò chơi (nếu có);

đ) Thông tin về dịch vụ hỗ trợ thanh toán trong trò chơi điện tử trên mạng của doanh nghiệp, các hình thức thanh toán cho trò chơi và thu tiền của người chơi;

e) Thông tin về quá trình người chơi đăng ký tài khoản và thực hiện xác thực bằng số điện thoại di động tại Việt Nam.”

2. Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 như sau:

5. Trường hợp trò chơi điện tử trên mạng có nội dung thể hiện bản sắc, đặc trưng văn hóa, lịch sử Việt Nam và trò chơi có nội dung giáo dục, tuyên truyền, quảng bá các giá trị văn hóa, lịch sử Việt Nam theo quy định tại Điều 37a Nghị định này, ngoài thành phần hồ sơ quy định tại Điều 44 Nghị định này phải bổ sung thêm các Giấy tờ, tài liệu, bằng chứng chứng minh đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 37a Nghị định này.”

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 46

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Trường hợp thay đổi nội dung ghi trong Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng, doanh nghiệp thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung Quyết định phát hành.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“Doanh nghiệp đã được cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng khi thay đổi chủ sở hữu hoặc thay đổi tổ chức, cá nhân nắm quyền chi phối doanh nghiệp do chuyển nhượng vốn góp, chuyển nhượng cổ phần, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách doanh nghiệp hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật hoặc thực hiện chuyển giao trò chơi sang doanh nghiệp khác phát

hành thì phải thực hiện thủ tục đề nghị cấp Quyết định theo quy định tại Điều 43, Điều 44 Nghị định này. Trong thời gian thực hiện thủ tục đề nghị cấp Quyết định, trò chơi không phải dừng phát hành nhưng phải đảm bảo quyền lợi của người chơi trong quá trình chuyển giao.”.

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Điều 52

“1. Doanh nghiệp được cấp Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G3, G4 trên mạng khi có đủ các điều kiện sau:

a) Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, có ngành nghề cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng đã được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp; có trụ sở chính với địa chỉ và số điện thoại liên hệ rõ ràng và liên hệ được;

b) Nội dung, kịch bản trò chơi điện tử không vi phạm các quy định tại Điều 7 Luật An ninh mạng và quy định về sở hữu trí tuệ; không mô phỏng các trò chơi có thưởng trong các cơ sở kinh doanh casino, các trò chơi sử dụng hình ảnh lá bài; không có các hình ảnh, âm thanh, ngôn ngữ hoặc các hình thức thể hiện khác trong trò chơi có nội dung mô tả, thể hiện hoặc cổ súy các hành vi miêu tả cụ thể các hành động: xuyên tạc, phỉ nhận, bóp méo hoặc xúc phạm các giá trị, truyền thống lịch sử, văn hóa tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc, bảo vệ và xây dựng đất nước, thống nhất đất nước; xúc phạm, xuyên tạc, phỉ nhận hoặc hạ thấp uy tín, danh dự của anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa và các nhân vật lịch sử có vai trò, đóng góp quan trọng đối với dân tộc Việt Nam; xuyên tạc, phỉ nhận hoặc xâm phạm chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và sự toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam; khủng bố, tra tấn người, xâm hại, buôn bán phụ nữ và trẻ em, kích động tự tử, bạo lực, khiêu dâm, dung tục trái với truyền thống đạo đức, văn hóa, thuần phong mỹ tục của dân tộc; sử dụng ma túy, uống rượu, hút thuốc lá, đánh bạc và các hành vi vi phạm pháp luật khác; khuyến khích trao thưởng cho hành vi sát hại, hành hạ nhân vật, không trình bày hồi sinh nhân vật theo cách có nguy cơ làm người chơi hiểu sai rằng hậu quả chết người ngoài đời có thể dễ dàng đảo ngược; phân biệt chủng tộc, tôn giáo, phân biệt đối xử về giới;

c) Trò chơi điện tử trên mạng có kết quả phân loại trò chơi theo độ tuổi phù hợp với nội dung, kịch bản trò chơi theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định này.

2. Doanh nghiệp được cấp Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2 trên mạng ngoài các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này phải

đáp ứng thêm các điều kiện sau:

a) Có hệ thống thiết bị kỹ thuật bảo đảm lưu trữ, cập nhật đầy đủ thông tin của người chơi tại Việt Nam bao gồm: Họ và tên, ngày tháng năm sinh, số điện thoại di động tại Việt Nam. Thực hiện việc xác thực tài khoản người chơi bằng số điện thoại di động tại Việt Nam, bảo đảm chỉ những tài khoản đã xác thực mới được tham gia chơi trò chơi trừ trường hợp quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 8 Điều 37 Nghị định này; thực hiện xóa thông tin của người chơi theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân;

Trường hợp người chơi là trẻ em (dưới 16 tuổi) thì cha, mẹ hoặc người giám hộ theo pháp luật dân sự của trẻ em đăng ký tài khoản bằng thông tin của trẻ em và số điện thoại di động tại Việt Nam của cha, mẹ hoặc người giám hộ theo pháp luật dân sự của trẻ em; thực hiện xác thực tài khoản bằng số điện thoại của cha, mẹ hoặc người giám hộ; cha, mẹ hoặc người giám hộ theo pháp luật dân sự có trách nhiệm giám sát và quản lý thời gian chơi, nội dung trò chơi của người chơi dưới 16 tuổi truy cập;

b) Có hệ thống thiết bị kỹ thuật bảo đảm quản lý thời gian chơi trong ngày của người chơi là trẻ em (dưới 16 tuổi) không quá 60 phút một ngày đối với tất cả trò chơi dành cho người chơi dưới 16 tuổi do doanh nghiệp cung cấp. Khi thời gian chơi trong ngày còn 10 phút, phải hiển thị thông báo ‘Thời gian chơi chỉ còn lại 10 phút’; khi hết thời gian chơi theo quy định, phải hiển thị thông báo về việc kết thúc thời gian chơi trong ngày đối với người chơi là trẻ em (dưới 16 tuổi) và dừng trò chơi.

c) Có hệ thống thiết bị kỹ thuật bảo đảm hiển thị kết quả phân loại trò chơi và thông tin khuyến cáo về thời gian chơi đối với người chơi theo quy định sau:

Kết quả phân loại trò chơi hiển thị theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 38 Nghị định này.

Thông tin khuyến cáo phải được hiển thị tại vị trí dễ nhận biết và theo các hình thức sau: Hiển thị liên tục trên trang thông tin điện tử giới thiệu, cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng và tại màn hình đăng nhập, đăng ký trò chơi; Hiển thị trên màn hình thiết bị khi người chơi đang sử dụng trò chơi với tần suất 30 phút một lần, mỗi lần hiển thị ít nhất 10 giây;

d) Có hệ thống thiết bị kỹ thuật để kết nối thanh toán với các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán theo quy định của pháp luật, bảo đảm cập nhật, lưu trữ chính xác, đầy đủ và cho phép người chơi có thể tra cứu được thông tin chi tiết về tài khoản thanh toán

của mình trên hệ thống ứng dụng trò chơi (tài khoản game);

đ) Có hệ thống thiết bị kỹ thuật bảo đảm quản lý nội dung trao đổi, chia sẻ trong trò chơi và trên diễn đàn của trò chơi (nếu có) theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định này.”

3. Trước khi chính thức cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng, doanh nghiệp gửi Thông báo phát hành trò chơi điện tử trên mạng đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm:

a) Tờ khai Thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng theo Mẫu số 43 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Trường hợp thông báo phát hành từ hai trò chơi điện tử trở lên trong cùng một lần nộp hồ sơ, doanh nghiệp lập một Tờ khai và kèm theo Danh mục trò chơi điện tử theo Mẫu số 43 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Việc sửa đổi, bổ sung, thu hồi hoặc thu hồi Giấy xác nhận phát hành đối với một trò chơi trong Danh mục trò chơi điện tử đã được cấp Quyết định không làm ảnh hưởng đến hiệu lực của các trò chơi điện tử còn lại, trừ trường hợp doanh nghiệp có đề nghị khác hoặc pháp luật có quy định khác;

4. Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ theo mẫu số 45 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính bằng một trong các hình thức sau: qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Trường hợp gửi qua Cổng dịch vụ công quốc gia phải có chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định hồ sơ Thông báo phát hành. Trường hợp đáp ứng đầy đủ điều kiện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, cấp Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng cho doanh nghiệp theo Mẫu số 44 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Trường hợp từ chối, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng có thời hạn theo thời hạn của văn bản thỏa thuận cho doanh nghiệp được phát hành tại Việt Nam nhưng không quá 05 năm. Trong trường hợp văn bản ủy quyền/nhượng quyền trò chơi hết hạn, nếu doanh nghiệp cung cấp trò chơi điện tử trên mạng tiếp tục được nhượng quyền phát hành trò chơi thì thực hiện thủ tục đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận theo quy định tại khoản 5 Điều này.

5. Trường hợp thay đổi nội dung ghi trong Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng, doanh nghiệp thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận thông báo phát hành.

Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ theo mẫu số 45 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính bằng một trong các hình thức sau: qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Trường hợp gửi qua Cổng dịch vụ công quốc gia phải có chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.^{G5}

Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng cho doanh nghiệp theo Mẫu số 44 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp từ chối, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 54

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Có ít nhất 01 hệ thống máy chủ đặt tại Việt Nam để quản lý thanh toán, lưu trữ thông tin người chơi tại Việt Nam và để phục vụ thanh tra, kiểm tra, lưu trữ, cung cấp thông tin khi có yêu cầu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Công an, cơ quan có thẩm quyền và giải quyết khiếu nại của người chơi đối với việc cung cấp dịch vụ theo quy định”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 như sau:

“b) Thực hiện việc đăng ký, lưu trữ, xác thực và quản lý nội dung, thông tin của người chơi theo quy định của pháp luật, bảo đảm chỉ những người chơi đã cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Nghị định này mới được tham gia chơi trò chơi; cung cấp trò chơi có nội dung phù hợp với lứa tuổi; cảnh báo mức độ ảnh hưởng của việc chơi quá thời gian/ngày và áp dụng biện pháp giới hạn giờ chơi đối với người chơi là trẻ em (dưới 16 tuổi) theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 37c, điểm đ khoản 1 Điều 43 và điểm b khoản 2 Điều 52 Nghị định này và quy định của pháp luật về bảo vệ trẻ em; bảo đảm người sử dụng dịch vụ có quyền quyết định cho phép hoặc không cho phép doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng được sử dụng thông tin của mình cho mục đích quảng bá, truyền thông hoặc cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 14 như sau:

“14. Có hệ thống thiết bị kỹ thuật để kết nối thanh toán với các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán theo quy định của pháp luật, bảo đảm cập nhật, lưu trữ chính xác, đầy đủ và cho phép người chơi có thể tra cứu được thông tin chi tiết về tài khoản thanh toán của mình trên hệ thống ứng dụng trò chơi (tài khoản game); kết nối với các hình thức thanh toán hợp pháp để thu tiền người chơi, thanh toán cho trò chơi điện tử trên mạng do doanh nghiệp phát hành.”

4. Bổ sung khoản 16 vào sau khoản 15 như sau:

16. Tuân thủ các quy định của pháp luật về thanh toán, thuế, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và các quy định pháp luật khác có liên quan.”

Điều 27. Sửa đổi, bổ sung Điều 55

“1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định trò chơi điện tử trên mạng để tư vấn trong việc thẩm định nội dung, kịch bản trò chơi điện tử trên mạng theo quy định tại Nghị định này.

2. Hội đồng tư vấn thẩm định trò chơi điện tử trên mạng bao gồm đại diện một số cơ quan, tổ chức, chuyên gia có liên quan, có trình độ chuyên môn phù hợp, bảo đảm công việc tư vấn thẩm định chặt chẽ, khách quan.

3. Hội đồng tư vấn thẩm định trò chơi điện tử trên mạng có nhiệm vụ tư vấn trong quá trình thẩm định trò chơi điện tử trên mạng.

Trong trường hợp thẩm định trò chơi điện tử GI trên mạng có nội dung giáo dục, tuyên truyền, quảng bá giá trị văn hóa, lịch sử Việt Nam hoặc mang bản sắc, đặc trưng văn hóa Việt Nam, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành lập Hội đồng chuyên biệt gồm chuyên gia, nhà khoa học, đại diện cơ quan, tổ chức có liên quan tham gia Hội đồng tư vấn thẩm định căn cứ theo khung tiêu chí đánh giá trò chơi điện tử trên mạng có nội dung giáo dục, tuyên truyền, quảng bá các giá trị văn hóa, lịch sử Việt Nam do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành. Kết quả thẩm định của Hội đồng là cơ sở để xác định trò chơi được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 37a Nghị định này.

4. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng tư vấn thẩm định trò chơi điện tử trên mạng; Khung tiêu chí đánh giá trò chơi điện tử trên mạng có nội dung giáo dục, tuyên truyền, quảng bá các giá trị văn hóa, lịch sử Việt Nam;

5. Hội đồng tư vấn thẩm định trò chơi điện tử trên mạng được thành lập Tổ giúp việc để giúp việc cho Hội đồng liên quan đến việc thẩm định trò chơi điện tử trên mạng. Tổ giúp việc do cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử thành lập.”

Điều 28. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 57

“1. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng chỉ được khởi tạo các vật phẩm ảo, đơn vị ảo, điểm thưởng trong trò chơi điện tử G1 trên mạng theo đúng nội dung mà doanh nghiệp đã báo cáo trong hồ sơ được cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng”.

Điều 29. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 62

“3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Giao Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế và cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng áp dụng trên địa bàn;

b) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc phổ biến pháp luật, quản lý, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hoạt động của điểm truy nhập Internet công cộng và điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trên địa bàn; chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã công khai trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị danh sách các điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng được cấp và bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trên địa bàn, danh sách các trò chơi điện tử trên mạng đã được cấp Quyết định/Giấy xác nhận phát hành và danh sách các trò chơi điện tử trên mạng đã bị thu hồi hoặc dừng hoạt động; thông báo cho các chủ điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trên địa bàn danh sách các trò chơi điện tử trên mạng đã được cấp Quyết định/Giấy xác nhận phát hành và danh sách các trò chơi điện tử trên mạng đã bị thu hồi hoặc dừng hoạt động và thực hiện báo cáo định kỳ chậm nhất ngày 20 tháng 11 hàng năm về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh các nội dung theo Mẫu số 49 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp báo cáo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chậm nhất ngày 25 tháng 11 hàng năm.

Hình thức gửi báo cáo: qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, thành phố nơi cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đặt trụ sở chính hoặc nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp nộp trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến, phải có chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.”

Điều 30. Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 68

“8. Không cung cấp trò chơi điện tử trên mạng cho người chơi là trẻ em (dưới 16 tuổi) trong khoảng thời gian từ 21 giờ 00 phút đến 08 giờ 00 phút ngày hôm sau và cho người chơi từ 16 tuổi trở lên trong khoảng thời gian từ 24 giờ 00 phút đến 08 giờ 00 phút ngày hôm sau.”

Điều 31. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 70

“2. Tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động thực hiện thanh toán theo quy định tại khoản 3 Điều 61 Luật Viễn thông và đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật tại Nghị định này về cung cấp dịch vụ nội dung thông tin chuyên ngành do mình cung cấp.

Đối với các dịch vụ nội dung thông tin cung cấp tới người sử dụng dịch vụ viễn thông di động gắn liền với dịch vụ truy nhập Internet trên mạng viễn thông di động thì tổ chức, doanh nghiệp phải có giấy phép, giấy chứng nhận, giấy xác nhận chuyên ngành liên quan đến các hoạt động thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, cung cấp dịch vụ mạng xã hội, cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng, cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật có liên quan”.

Điều 32. Sửa đổi, bổ sung Điều 77

“1. Định kỳ hàng năm, trước ngày 25 tháng 11, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính về tình hình cung cấp dịch vụ theo Mẫu số 61 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trong trường hợp cần thiết, tổ chức, doanh nghiệp có trách nhiệm báo cáo đột xuất theo yêu cầu bằng văn bản hoặc qua phương tiện điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Báo cáo được gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc qua phương tiện điện tử tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh địa phương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

2. Định kỳ hàng năm, trước ngày 25 tháng 11, doanh nghiệp viễn thông di động có trách nhiệm báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính về tình hình cung cấp dịch vụ theo Mẫu số 62 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trong trường hợp cần

thiết, doanh nghiệp viễn thông di động có trách nhiệm báo cáo đột xuất theo yêu cầu bằng văn bản hoặc qua phương tiện điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Báo cáo được gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc qua phương tiện điện tử tới Bộ Khoa học và Công nghệ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.”.

Điều 33. Bãi bỏ, thay thế các cụm từ, biểu mẫu sau

1. Thay thế cụm từ “*Bộ Thông tin và Truyền thông*” bằng cụm từ “*Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*” tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

2. Thay thế cụm từ “*Bộ Thông tin và Truyền thông*” bằng cụm từ “*Bộ Khoa học và Công nghệ*” tại khoản 2, khoản 7, khoản 9 Điều 3; Điều 8; khoản 1, khoản 16 Điều 9; khoản 2 Điều 10; khoản 1 Điều 11; khoản 3, khoản 5, khoản 6 Điều 12; khoản 2 Điều 14; khoản 3, khoản 4 Điều 16; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều 17; khoản 2, khoản 3 Điều 19; khoản 2, khoản 7, khoản 15 Điều 74; khoản 6, khoản 8 Điều 75; khoản 2 Điều 84 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

3. Thay thế cụm từ “*Bộ Thông tin và Truyền thông*” bằng cụm từ “*Bộ Công an*” tại điểm b khoản 5 Điều 80 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

4. Thay thế cụm từ “*Sở Thông tin và Truyền thông*” bằng cụm từ “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*” tại khoản 4, khoản 10 Điều 24; khoản 3, khoản 4 Điều 30; khoản 4 Điều 34; khoản 6, khoản 7, khoản 12 Điều 35; khoản 7 Điều 36; khoản 10 Điều 54; khoản 3, khoản 4 Điều 58; Điều 61; khoản 6, Điều 68, Điều 77 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

5. Thay thế cụm từ “*Điều 8 Luật An ninh mạng*” bằng cụm từ “*Điều 7 Luật An ninh mạng*” tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

6. Thay thế cụm từ “*Điều 37 Luật Báo chí*” bằng cụm từ “*khoản 2 Điều 23 Luật Báo chí 2025*” tại điểm c khoản 4 Điều 24 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

7. Thay thế cụm từ “*an toàn thông tin mạng*” bằng cụm từ “*an ninh thông tin mạng, an ninh mạng*” tại điểm n khoản 3 Điều 23, điểm a khoản 5 Điều 80 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

8. Thay thế cụm từ “*an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin*” bằng cụm từ “*an ninh thông tin mạng, an ninh mạng*” tại điểm b khoản 2, điểm c khoản 3 Điều 15 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

9. Thay thế các Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 03, Mẫu số 04, mẫu số 05, Mẫu số 06, mẫu số 19, Mẫu số 20, Mẫu số 21, Mẫu số 23, Mẫu số 24, Mẫu số 25, mẫu số 26, Mẫu số 32, mẫu số 29, mẫu số 30, mẫu số 31, mẫu số 34, mẫu số 35, mẫu số 38, Mẫu số 39, mẫu số 43, mẫu số 44, mẫu số 45, Mẫu số 49, mẫu số 50 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP bằng Mẫu số 01a, Mẫu số 01b, Mẫu số 02a, Mẫu số 02b, **Mẫu số 02c**, Mẫu số 03a, Mẫu số 03b, **Mẫu số 03c**, Mẫu số 04, Mẫu số 05a, Mẫu số 05b, **Mẫu số 05c**, **Mẫu số 19**, mẫu số 29, mẫu số 30, mẫu số 31, mẫu số 34, mẫu số 35, mẫu số 43, mẫu số 44, mẫu số 45, Mẫu số 49, mẫu số 50 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

10. Bãi bỏ khoản 2 Điều 13; khoản 2 Điều 14; khoản 2 Điều 15; điểm d khoản 6 Điều 24; điểm c khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 30; khoản 5 Điều 32; điểm đ khoản 2 Điều 33; điểm c khoản 2 Điều 38; khoản 3 Điều 38; khoản 5 Điều 46; khoản 4 Điều 52; điểm b khoản 1 Điều 64, khoản 4 Điều 66; khoản 3 Điều 70; Điều 39; Điều 40; Điều 41; Điều 42; Điều 48; Điều 49; Điều 50; Điều 51 tại Nghị định 147/2024/NĐ-CP.

11. Bãi bỏ Điều 22, mục 17 và danh mục 4 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 138/2025/NĐ/CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch.

12. Bãi bỏ Chương VI tại Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

13. Bãi bỏ cụm từ “Luật An toàn thông tin mạng” tại điểm c khoản 6 Điều 12 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

14. Bãi bỏ cụm từ “Bộ Thông tin và Truyền thông” tại khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 79 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

15. Bãi bỏ cụm từ “Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin) hoặc của” tại điểm b khoản 2 Điều 79, khoản 2, điểm a, điểm c khoản 4, điểm a khoản 5 Điều 80 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

16. Bãi bỏ cụm từ “Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng” tại điều 47 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

17. Bãi bỏ cụm từ “Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng” tại Điều 53 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

18. Bãi bỏ cụm từ “điểm b khoản 3 Điều 13, điểm a khoản 3 Điều 14, điểm b khoản 3 Điều 15,” tại khoản 10 Điều 26 Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

19. Bãi bỏ cụm từ “hoặc số CMTND” tại mẫu số 51a, mẫu số 51b, mẫu số 52a, mẫu số 53a tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 147/2024/NĐ-CP.

20. Bãi bỏ mẫu số 27, mẫu số 28, mẫu số 32, mẫu số 33, mẫu số 37, mẫu số 38, mẫu số 39, Mẫu số 40, Mẫu số 41, mẫu số 42, mẫu số 46, mẫu số 55a, mẫu số 55b, mẫu số 56, mẫu số 57, mẫu số 58, mẫu số 59, mẫu số 60 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 147/2024/NĐ-CP.

Điều 34. Điều khoản chuyển tiếp và thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày....tháng....năm...

2. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng, giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng, quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng, giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng đã được cấp theo quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP:

a) Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng, Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành. Doanh nghiệp không phải thực hiện thủ tục nộp lại hoặc trả lại giấy phép, giấy chứng nhận đã được cấp; cơ quan cấp phép không phải ban hành quyết định thu hồi đối với từng giấy phép, giấy chứng nhận đã cấp.

b) Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng, Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng đã được cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành tiếp tục có hiệu lực đến hết thời hạn ghi trong Quyết định, Giấy xác nhận. Việc giấy phép, giấy chứng nhận quy định tại điểm a khoản này hết hiệu lực không làm chấm dứt, đình chỉ hoặc thay đổi hiệu lực của Quyết định, Giấy xác nhận đã được cấp; doanh nghiệp không phải thực hiện thủ tục đề nghị cấp mới, cấp lại hoặc sửa đổi, bổ sung Quyết định, Giấy xác nhận vì lý do quy định tại điểm a khoản này.

c) Khi hết thời hạn ghi trong Quyết định, Giấy xác nhận quy định tại điểm b khoản này, doanh nghiệp có nhu cầu tiếp tục phát hành trò chơi hoặc doanh

ng nghiệp thực hiện sửa đổi, bổ sung Quyết định, Giấy xác nhận thì thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 46 hoặc Điều 52 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định này.

3. Trong thời hạn 180 ngày kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, doanh nghiệp đang phát hành trò chơi điện tử trên mạng theo Quyết định, Giấy xác nhận quy định tại điểm b khoản 1 Điều này có trách nhiệm hoàn thành việc đáp ứng các điều kiện, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 43, Điều 52, Điều 54 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định này và thực hiện việc báo cáo kết quả đến cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

Trường hợp có thay đổi nội dung đã được ghi trong Quyết định, Giấy xác nhận thì doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung Quyết định, Giấy xác nhận theo quy định tại Điều 46, Điều 52 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

4. Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, các doanh nghiệp đã được cấp Quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản trò chơi điện tử trên mạng theo quy định tại Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và Nghị định số 27/2018/NĐ-CP tiến hành rà soát, thống kê các trò chơi đang phát hành và thực hiện thủ tục đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định này kèm theo báo cáo đáp ứng các điều kiện cung cấp dịch vụ theo quy định tại điều 43 Nghị định này.

5. Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng đã được cấp theo quy định tại Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và Nghị định số 27/2018/NĐ-CP sẽ còn hiệu lực 01 năm kể từ ngày Nghị định có hiệu lực.

Trong trường hợp doanh nghiệp cung cấp trò chơi điện tử trên mạng tiếp tục phát hành trò chơi sau khi hết hạn thì thực hiện thủ tục đề nghị cấp theo quy định tại khoản 3 Điều 52 Nghị định này kèm theo báo cáo đáp ứng các điều kiện cung cấp dịch vụ theo quy định tại Điều 52 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định này.

6. Trong thời hạn 360 ngày kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài cung cấp thông tin xuyên biên giới vào Việt Nam và tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội trong nước có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo vệ trẻ em theo quy định tại điểm g khoản 3 Điều 23 và điểm a khoản 3 Điều 27 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định này.

7. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, Chủ tài khoản, chủ kênh nội dung, chủ trang cộng đồng, người quản trị nhóm cộng đồng trên mạng xã hội quy định tại khoản 9 Điều 36 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định này có trách nhiệm thực hiện việc thông báo thông tin liên hệ theo quy định.

Tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội và tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài cung cấp thông tin xuyên biên giới vào Việt Nam có trách nhiệm thông báo nghĩa vụ quy định tại khoản này đến các chủ tài khoản, kênh, trang, nhóm thuộc diện phải thông báo trên nền tảng do mình cung cấp.

8. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan, tổ chức có liên quan;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phụ lục

(ban hành kèm theo Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu số 01a	Bản khai đăng ký chuyển giao Tên miền dùng chung cấp cao nhất mới (New gTLD) với ICANN
Mẫu số 01b	Văn bản trả lời báo cáo đăng ký chuyển giao New gTLD
Mẫu số 02a	Báo cáo hoạt động cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc tế tại Việt Nam
Mẫu số 02b	Trả lời báo cáo hoạt động cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc tế của Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam
Mẫu số 02c	Văn bản thông báo hủy bỏ xác nhận hoạt động cung cấp dịch vụ đăng ký duy trì tên miền quốc tế của Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam
Mẫu số 03a	Đơn đề nghị cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”
Mẫu số 03b	Văn bản trả lời đề nghị cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”
Mẫu số 03c	Văn bản thông báo hủy bỏ xác nhận cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”
Mẫu số 04	Các nội dung cần được quy định trong hợp đồng cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” ký giữa Trung tâm Internet Việt Nam và tổ chức , doanh nghiệp đề nghị cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”
Mẫu số 05a	Báo cáo hoạt động Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới tại Việt Nam (New gTLD Registry)
Mẫu số 05b	Trả lời báo cáo hoạt động Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới (New gTLD Registry)
Mẫu số 05c	Văn bản thông báo hủy bỏ xác nhận hoạt động Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới (New gTLD Registry)
Mẫu số 19	Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội
Mẫu số 29	Đơn đề nghị cấp Giấy phép cung cấp và quản lý nền tảng số có tính năng cho phép người sử dụng khởi tạo và phân phối trò chơi điện tử
Mẫu số 30	Giấy phép cung cấp và quản lý nền tảng số có tính năng cho phép người sử dụng khởi tạo và phân phối trò chơi điện tử
Mẫu số 31	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp và quản lý nền tảng số có tính năng cho phép người sử dụng khởi tạo và phân phối trò chơi điện tử
Mẫu số 34	Đơn đề nghị cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng
Mẫu số 35	Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng
Mẫu số 43	Thông báo phát hành trò chơi điện tử trên mạng

Mẫu số 44	Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng
Mẫu số 45	Thông báo thay đổi nội dung Giấy xác nhận Thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng
Mẫu số 50	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng
Mẫu số 63	Thông báo thay đổi nội dung giấy phép/giấy xác nhận cung cấp dịch vụ mạng xã hội
Mẫu số 64	Giấy xác nhận thông báo thay đổi nội dung giấy phép/giấy xác nhận cung cấp dịch vụ mạng xã hội
Mẫu số 65	Thông báo Gia hạn thời hạn của giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội
Mẫu số 66	Giấy xác nhận thông báo Gia hạn thời hạn của giấy phép cung cấp dịch vụ Mạng xã hội
Mẫu số 67	Thông báo thông tin liên hệ của chủ trang/kênh/tài khoản/nhóm cộng đồng trên mạng xã hội có lượng theo dõi lớn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN KHAI ĐĂNG KÝ CHUYỂN GIAO TÊN MIỀN DÙNG CHUNG
 CẤP CAO NHẤT MỚI (NEW GTLD) VỚI ICANN**

Kính gửi: **Chủ tịch** Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố

1. Thông tin về chủ thể cá nhân đăng ký chuyển giao New gTLD <i>(Trường hợp cá nhân đăng ký)</i>	Họ và tên:..... Ngày sinh:..... Số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu:..... Địa chỉ:..... Tỉnh/thành phố:..... Quốc gia:..... Số điện thoại:..... Email:..... Postcode:.....
2. Thông tin về cơ quan/ tổ chức/doanh nghiệp <i>(Trường hợp cơ quan/ tổ chức/doanh nghiệp đăng ký)</i>	Tên cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp:..... Mã định danh điện tử của tổ chức:..... Mã số doanh nghiệp:..... Địa chỉ liên hệ:..... Số điện thoại/fax:..... Email:..... Website:..... Ghi chú:.....
3. Người đại diện theo pháp luật của cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp <i>(Trường hợp tổ chức/ doanh nghiệp đăng ký)</i>	Họ và tên:..... Chức vụ:..... Số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu:..... Địa chỉ:..... Tỉnh/thành phố:..... Số điện thoại:..... Email :.....
4. Thông tin về New gTLD có nhu cầu đăng ký với ICANN	New gTLD:.....
5. Mục đích sử dụng New gTLD	

6. Thông tin bổ sung	
-----------------------------	--

Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân cam kết các thông tin đã cung cấp là hoàn toàn chính xác và tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.

....ngàytháng..... năm.....

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Mẫu số 01b

ỦY BAN NHÂN DÂN...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....

Số: /

Hà Nội, ngày tháng năm

V/v trả lời báo cáo
đăng ký chuyển giao New gTLD

Kính gửi:

Ngày ... , **Chủ tịch** Ủy ban nhân dân tỉnh (UBND) ... đã nhận được Báo cáo đăng ký chuyển giao New gTLD của Thực hiện quy trình xử lý, **Chủ tịch** UBND/ ... trân trọng thông báo:

1. Đồng ý việc hoàn thành báo cáo đăng ký chuyển giao New gTLD theo quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

2. Trong quá trình triển khai đăng ký chuyển giao New gTLD, có trách nhiệm tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ thời điểm ICANN chính thức chuyển giao New gTLD, chủ thể có văn bản thông báo với **Chủ tịch** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Tổ chức quản lý tài nguyên Internet ở Việt Nam (Trung tâm Internet Việt Nam).

(*Trường hợp từ chối, nêu rõ lý do*).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

-
-
- Trung tâm Internet Việt Nam;
- Lưu: VT,.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA

NGƯỜI KÝ

(*Chữ ký của người có thẩm quyền, đóng
dấu/ký số của cơ quan*)

...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ ĐĂNG KÝ,
DUY TRÌ TÊN MIỀN QUỐC TẾ TẠI VIỆT NAM**

Kính gửi: **Chủ tịch** Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố

1	Thông tin về tổ chức, doanh nghiệp	- Tên tổ chức, doanh nghiệp: - Mã định danh điện tử của tổ chức: - Mã số doanh nghiệp: - Tên giao dịch quốc tế: - Tên viết tắt: - Địa chỉ trụ sở chính: - Điện thoại/Fax: - Email: - Website:
2	Thông tin người đại diện theo pháp luật	- Họ và tên: - Chức vụ: - Địa chỉ liên hệ: - Điện thoại/Fax: - Email:
3	Thông tin về đối tác ký hợp đồng để cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc tế tại Việt Nam (chọn ô tương ứng)	Là Tổ chức quản lý tên miền và số quốc tế (ICANN). ☐ Là Nhà đăng ký tên miền chính thức (Accredited Registrar) của ICANN. ☐ - Tên đối tác: - Tên viết tắt: - Địa chỉ trụ sở chính: - Điện thoại/Fax: - Email: - Website:

Tổ chức, doanh nghiệp cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam khi triển khai hoạt động cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc tế tại Việt Nam.

....., ngày tháng ... năm ...

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/
 NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

ỦY BAN NHÂN DÂN...

....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

Hà Nội, ngày tháng năm

V/v trả lời báo cáo hoạt động cung cấp
dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc tế
của Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt
Nam

Kính gửi:

Ngày ... , **Chủ tịch** Ủy ban nhân dân tỉnh (UBND) ... đã nhận được báo cáo hoạt động cung cấp dịch vụ Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam của Quý đơn vị. Thực hiện quy trình xử lý, **Chủ tịch UBND tỉnh** ... trân trọng thông báo:

1. Đồng ý việc hoàn thành báo cáo hoạt động cung cấp dịch vụ Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam theo quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

2. **Tổ chức quản lý tài nguyên Internet ở Việt Nam** (Trung tâm Internet Việt Nam) công bố danh sách Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam theo quy định.

3. Khi cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc tế tại Việt Nam, Quý đơn vị có trách nhiệm tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.

(*Trường hợp từ chối, nêu rõ lý do*).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

-
-
- Trung tâm Internet Việt Nam;
- Lưu: VT,.....

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ**

(*Chữ ký của người có thẩm quyền,
đồng dấu/ký số của cơ quan*)

...

ỦY BAN NHÂN DÂN...

....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

Hà Nội, ngày tháng năm

V/v hủy bỏ xác nhận hoạt động cung
cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền
quốc tế của Nhà đăng ký tên miền quốc
tế tại Việt Nam

Kính gửi:

Ngày ... , Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (UBND) ... đã nhận văn bản đề nghị chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam của (tên doanh nghiệp/tổ chức). Thực hiện quy trình xử lý, Chủ tịch UBND tỉnh ... trân trọng thông báo:

1. Hủy bỏ xác nhận hoạt động cung cấp dịch vụ Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam theo quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

2. Tổ chức quản lý tài nguyên Internet ở Việt Nam (Trung tâm Internet Việt Nam) bỏ (tên doanh nghiệp/tổ chức) trong danh sách Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam theo quy định.

3. Doanh nghiệp, tổ chức có trách nhiệm tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

-;
-;
- Trung tâm Internet Việt Nam;
- Lưu: VT,.....

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ**

(Chữ ký của người có thẩm quyền,
đóng dấu/ký số của cơ quan)

...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP DỊCH VỤ ĐĂNG KÝ,
DUY TRÌ TÊN MIỀN QUỐC GIA VIỆT NAM “.VN”**

Kính gửi: **Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố**

1	Thông tin về tổ chức, doanh nghiệp	- Tên tổ chức, doanh nghiệp: - Mã định danh điện tử của tổ chức: - Mã số doanh nghiệp: - Tên giao dịch quốc tế: - Tên viết tắt: - Địa chỉ trụ sở chính: - Điện thoại/Fax: - Email: - Website:
2	Thông tin người đại diện theo pháp luật	- Họ và tên: - Chức vụ: - Địa chỉ liên hệ: - Điện thoại/Fax: - Email:
3.	Các thông tin liên quan để triển khai cung cấp dịch vụ:	
3.1	Thông tin về kỹ thuật	- Mô tả hạ tầng phòng máy - Mô tả sơ đồ và kiến trúc mạng - Mô tả Hệ thống kỹ thuật để triển khai cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền, các thành phần hệ thống chính: chức năng, nguyên lý hoạt động và kết nối giữa các thành phần hệ thống. - Tên, địa chỉ IP của Hệ thống máy chủ DNS - Mô tả Phương án đảm bảo an toàn thông tin, dữ liệu, dự phòng, cung cấp dịch vụ liên tục - Cam kết chất lượng dịch vụ (SLA) của hệ thống, dịch vụ cung cấp
3.2	Thông tin về cung cấp dịch vụ	- Mô tả thông tin về đối tác đã ký hợp đồng để cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền: + Ký hợp đồng với Tổ chức quản lý tên miền và số quốc tế (ICANN). ☐ + Ký hợp đồng với Nhà đăng ký tên miền chính thức

		(Accredited Registrar) của ICANN. □ - Mô tả phương án nhân sự kỹ thuật chuyên trách về quản trị mạng, dịch vụ phù hợp với các giai đoạn xây dựng, phát triển, duy trì hệ thống - Mô tả phương án nhân sự chuyên trách về quản lý tên miền - Mô tả hình thức tiếp nhận đăng ký tên miền (trực tuyến, trực tiếp, dịch vụ bưu chính) - Thông tin website cung cấp dịch vụ; các biểu mẫu, quy trình, nội dung thông tin trên website - Mô tả kế hoạch quản lý chăm sóc khách hàng: (liên lạc khách hàng khi cần thiết, theo dõi nhắc nhở tên miền đến hạn duy trì...) - Mô tả kế hoạch, cách thức quản lý hồ sơ và thông tin, dữ liệu tên miền - Thuyết minh về công tác xử lý khiếu nại về chất lượng cung cấp dịch vụ và hỗ trợ, đảm bảo quyền lợi khách hàng
3.3	Thông tin khác	Kinh nghiệm triển khai dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền và các dịch vụ liên quan (nếu có): - Danh mục các tên miền quốc tế mà tổ chức, doanh nghiệp đang cung cấp dịch vụ. - Danh mục các dịch vụ Internet mà tổ chức, doanh nghiệp đang cung cấp.

Tổ chức, doanh nghiệp cam kết các thông tin nêu trên là đúng và chính xác; tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật trong cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền.

....., ngày.....tháng.....năm.....

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Lưu ý:

- Đối với trường hợp tổ chức, doanh nghiệp ở nước ngoài đề nghị cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” thì nộp đơn đề nghị thông qua việc ủy quyền cho tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Mẫu số 03b

ỦY BAN NHÂN DÂN...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....

Số: /

Hà Nội, ngày tháng năm

V/v trả lời đề nghị cung cấp dịch vụ
đăng ký, duy trì tên miền quốc gia
Việt Nam “.vn”

Kính gửi:

Ngày ... , **Chủ tịch** Ủy ban nhân dân tỉnh (UBND) ... đã nhận được đề nghị cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” của Quý đơn vị. Thực hiện quy trình xử lý, **Chủ tịch** UBND/ ... trân trọng thông báo:

1. Đồng ý đề nghị cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” theo quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

2. Tổ chức, doanh nghiệp thực hiện ký hợp đồng Nhà đăng ký với Bộ Khoa học và Công nghệ (Trung tâm Internet Việt Nam) để triển khai cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được văn bản này.

3. Tổ chức quản lý tài nguyên Internet ở Việt Nam (Trung tâm Internet Việt Nam) công bố danh sách Nhà đăng ký tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” theo quy định.

4. Khi cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”, Quý đơn vị có trách nhiệm tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.

(*Trường hợp từ chối, nêu rõ lý do*).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

-
-
- Trung tâm Internet Việt Nam;
- Lưu: VT,.....

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ**

(*Chữ ký của người có thẩm quyền,
đóng dấu/ký số của cơ quan*)

...

ỦY BAN NHÂN DÂN...

....

Số: /

V/v hủy bỏ xác nhận cung cấp dịch vụ
đăng ký, duy trì tên miền quốc gia
Việt Nam “.vn”

Mẫu số 03c
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm

Kính gửi:

Ngày ... , Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (UBND) ... đã nhận được đề nghị chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” của (tên doanh nghiệp/tổ chức). Thực hiện quy trình xử lý, Chủ tịch UBND tỉnh ... trân trọng thông báo:

1. Hủy bỏ xác nhận cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” theo quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

2. Tổ chức quản lý tài nguyên Internet ở Việt Nam (Trung tâm Internet Việt Nam) bỏ (tên doanh nghiệp/tổ chức) trong danh sách Nhà đăng ký tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” theo quy định.

3. Doanh nghiệp, tổ chức có trách nhiệm tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

-
-
- Trung tâm Internet Việt Nam;
- Lưu: VT,.....

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ**

(Chữ ký của người có thẩm quyền,
đóng dấu/ký số của cơ quan)

...

**CÁC NỘI DUNG CẦN ĐƯỢC QUY ĐỊNH TRONG HỢP ĐỒNG
CUNG CẤP DỊCH VỤ ĐĂNG KÝ, DUY TRÌ TÊN MIỀN QUỐC GIA
VIỆT NAM “.VN” KÝ GIỮA TRUNG TÂM INTERNET VIỆT NAM VÀ
TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP DỊCH VỤ ĐĂNG
KÝ, DUY TRÌ TÊN MIỀN QUỐC GIA VIỆT NAM “.VN”**

1. Đối tượng của hợp đồng.
2. Thời hạn, địa điểm, phương thức thực hiện hợp đồng.
3. Quyền hạn và trách nhiệm của các bên
 - a) Quyền hạn và trách nhiệm của bên A (Trung tâm Internet Việt Nam):
nêu cụ thể các trách nhiệm về hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hoạt động các Nhà
đăng ký tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”;
 - b) Quyền hạn và trách nhiệm của bên B (Nhà đăng ký tên miền quốc gia
Việt Nam “.vn”): Nêu cụ thể các quyền và trách nhiệm của doanh nghiệp trong
cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” theo quy
định tại Nghị định này.
4. Điều khoản đáp ứng về tiêu chuẩn Nhà đăng ký tên miền quốc gia Việt
Nam “.vn” trong đó yêu cầu năng lực về nhân sự và kỹ thuật quy định tại Nghị
định này, cụ thể như sau:
 - a) Có số lượng cán bộ kỹ thuật chuyên trách về quản trị mạng, dịch vụ và
cán bộ chuyên trách quản lý nghiệp vụ tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” phù
hợp với quy mô cung cấp dịch vụ;
 - b) Có hạ tầng mạng, hệ thống kỹ thuật, hệ thống máy chủ DNS được kết
nối với hạ tầng kỹ thuật của Trung tâm Internet Việt Nam;
 - c) Có cơ sở dữ liệu, phần mềm quản lý việc đăng ký, thu phí, duy trì tên
miền quốc gia Việt Nam “.vn”;
 - d) Có giải pháp đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin; sao lưu dự phòng và
khôi phục nhanh chóng các dữ liệu khi sự cố xảy ra.
5. Cam kết về kế hoạch triển khai các hoạt động phát triển tên miền quốc
gia Việt Nam “.vn” và số lượng tên miền cụ thể.
6. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng.
7. Trách nhiệm khi chấm dứt hợp đồng.
8. Phạt vi phạm hợp đồng.
9. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật về hợp đồng dân sự.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG TỔ CHỨC QUẢN LÝ TÊN MIỀN DÙNG
CHUNG CẤP CAO NHẤT MỚI TẠI VIỆT NAM
(NEW GTLD REGISTRY)

Kính gửi: **Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố**

1	Thông tin về tổ chức, doanh nghiệp	- Tên tổ chức, doanh nghiệp: - Mã định danh điện tử của tổ chức: - Mã số doanh nghiệp: - Tên giao dịch quốc tế: - Tên viết tắt: - Địa chỉ trụ sở chính: - Điện thoại/fax: - Email: - Website:
2	Thông tin người đại diện theo pháp luật của tổ chức, doanh nghiệp	- Họ và tên: - Chức vụ: - Địa chỉ liên hệ: - Điện thoại/fax: - Email:
3.	Các thông tin liên quan để triển khai cung cấp dịch vụ:	
3.1	Thông tin về kỹ thuật	- Mô tả hạ tầng phòng máy - Mô tả sơ đồ và kiến trúc mạng - Mô tả Hệ thống kỹ thuật để triển khai cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền, các thành phần hệ thống chính: chức năng, nguyên lý hoạt động và kết nối giữa các thành phần hệ thống. - Tên, địa chỉ IP của Hệ thống máy chủ DNS - Mô tả Phương án đảm bảo an toàn thông tin, dữ liệu, dự phòng, cung cấp dịch vụ liên tục - Cam kết chất lượng dịch vụ (SLA) của hệ thống, dịch vụ cung cấp

3.2	Thông tin về cung cấp dịch vụ	- Mô tả thông tin về đối tác đã ký hợp đồng để cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền: + Ký hợp đồng với Tổ chức quản lý tên miền và số quốc tế (ICANN). □ + Ký hợp đồng với Nhà đăng ký tên miền chính thức (Accredited Registrar) của ICANN. □ - Mô tả phương án nhân sự kỹ thuật chuyên trách về quản trị mạng, dịch vụ phù hợp với các giai đoạn xây dựng, phát triển, duy trì hệ thống - Mô tả phương án nhân sự chuyên trách về quản lý tên miền - Mô tả hình thức tiếp nhận đăng ký tên miền (trực tuyến, trực tiếp, dịch vụ bưu chính) - Thông tin website cung cấp dịch vụ; các biểu mẫu, quy trình, nội dung thông tin trên website - Mô tả kế hoạch quản lý chăm sóc khách hàng: (liên lạc khách hàng khi cần thiết, theo dõi nhắc nhở tên miền đến hạn duy trì...) - Mô tả kế hoạch, cách thức quản lý hồ sơ và thông tin, dữ liệu tên miền - Thuyết minh về công tác xử lý khiếu nại về chất lượng cung cấp dịch vụ và hỗ trợ, đảm bảo quyền lợi khách hàng
3.3	Thông tin khác	Kinh nghiệm triển khai dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền và các dịch vụ liên quan (nếu có): - Danh mục các tên miền quốc tế mà tổ chức, doanh nghiệp đang cung cấp dịch vụ. - Danh mục các dịch vụ Internet mà tổ chức, doanh nghiệp đang cung cấp.

Tổ chức, doanh nghiệp cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật và bảo đảm tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet, quản lý thông tin trên Internet.

....., ngày tháng ... năm ...

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

ỦY BAN NHÂN DÂN...

....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

Hà Nội, ngày tháng năm

V/v trả lời báo cáo hoạt động
Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp
cao nhất mới (New gTLD Registry)

Kính gửi:

Ngày ... , **Chủ tịch** Ủy ban nhân dân tỉnh (UBND) ... đã nhận được báo cáo hoạt động Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới (New gTLD Registry) của Quý đơn vị. Thực hiện quy trình xử lý, **Chủ tịch UBND tỉnh** ... trân trọng thông báo:

1. Đồng ý việc hoàn thành báo cáo hoạt động Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới (New gTLD Registry) theo quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

2. Tổ chức quản lý tài nguyên Internet ở Việt Nam (Trung tâm Internet Việt Nam) công bố danh sách Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới (New gTLD Registry) theo quy định.

3. Khi cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền cấp dưới New gTLD tại Việt Nam, Quý đơn vị có trách nhiệm tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.

(Trường hợp từ chối, nêu rõ lý do).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

-
-
- Trung tâm Internet Việt Nam;
- Lưu: VT,.....

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ**

*(Chữ ký của người có thẩm quyền,
đóng dấu/ký số của cơ quan)*

...

ỦY BAN NHÂN DÂN...

....

Mẫu số 05c
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

Hà Nội, ngày tháng năm

V/v hủy bỏ xác nhận hoạt động
 Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp
 cao nhất mới (New gTLD Registry)

Kính gửi:

Ngày ... , Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (UBND) ... đã nhận được đề nghị chấm dứt hoạt động Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới (New gTLD Registry) của (tên doanh nghiệp/tổ chức). Thực hiện quy trình xử lý, Chủ tịch UBND tỉnh ... trân trọng thông báo:

1. Hủy bỏ xác nhận hoạt động Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới (New gTLD Registry) theo quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

2. Tổ chức quản lý tài nguyên Internet ở Việt Nam (Trung tâm Internet Việt Nam) bỏ (tên doanh nghiệp/tổ chức) trong danh sách Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới (New gTLD Registry) theo quy định.

3. Doanh nghiệp, tổ chức có trách nhiệm tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

-
-
- Trung tâm Internet Việt Nam;
- Lưu: VT,.....

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
 NGƯỜI KÝ**

(Chữ ký của người có thẩm quyền,
 đóng dấu/ký số của cơ quan)

...

**CƠ QUAN CẤP QUYẾT
ĐỊNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../GP-....

Hà Nội, ngày tháng năm

GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ MẠNG XÃ HỘI*Cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ...**Cấp sửa đổi, bổ sung ngày ... tháng ... năm ...**Cấp lại ngày ... tháng ... năm ... (nếu có)***CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP**

Căn cứ Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ...

Theo đề nghị của (cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép);

Theo đề nghị của ...

QUYẾT ĐỊNH:**CẤP GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ MẠNG XÃ HỘI THEO NHỮNG QUY
ĐỊNH SAU:**

Điều 1. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo các quy định sau:

1. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội:

- Địa chỉ trụ sở chính:.....

- Địa chỉ trụ sở giao dịch:

- Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số:.....do cấp ngày ... tháng... năm ... tại...

- Điện thoại:..... Website.....

2. Tên mạng xã hội (nếu có):

3. Mục đích cung cấp dịch vụ mạng xã hội:

4. Loại hình dịch vụ mạng xã hội:

5. Phương thức cung cấp dịch vụ:

a) Trên trang thông tin điện tử tại tên miền:

b) Qua ứng dụng ... phân phối trên kho ứng dụng...

6. Địa điểm đặt hệ thống máy chủ cung cấp dịch vụ tại Việt Nam:

7. Nhân sự chịu trách nhiệm quản lý nội dung thông tin trên mạng xã hội:

a) Nhân sự chịu trách nhiệm trước pháp luật:

- Họ và tên:

- Chức danh:.....

- Số điện thoại liên lạc (cả cố định và di động):.....

b) Nhân sự quản lý nội dung:

- Họ và tên:.....

- Chức danh:.....

- Số điện thoại liên lạc (cả cố định và di động):.....

Điều 2. Ngoài các quy định tại Điều 1, (cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) có các trách nhiệm sau:

1. (Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) phải thực hiện đúng các quy định về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; các cam kết tại hồ sơ đề nghị cấp phép và những điều ghi trong giấy phép này.

2. Trường hợp trên mạng xã hội có cung cấp dịch vụ khác thuộc các ngành nghề kinh doanh có điều kiện cần phải có giấy phép, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, (Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) phải thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép hoặc giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.

3. Cung cấp dịch vụ mạng xã hội tuân thủ theo quy định của pháp luật và thỏa thuận cung cấp và sử dụng dịch vụ với người sử dụng; mô tả quy trình, cách thức phân phối nội dung trên nền tảng mạng xã hội của mình và công bố công khai trong Thỏa thuận cung cấp dịch vụ/Tiêu chuẩn cộng đồng cho người sử dụng dịch vụ biết để lựa chọn sử dụng dịch vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

4. Bảo đảm quyền quyết định của người sử dụng dịch vụ khi cho phép thông tin của mình được sử dụng cho mục đích quảng bá, truyền thông và cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác theo quy định tại khoản 3 Điều 35 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

5. Không đăng tải hoặc cho thành viên (bao gồm cả nhân sự của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội) viết bài dưới hình thức phóng sự, điều tra, phỏng vấn và đăng tải lên mạng xã hội theo quy định tại khoản 4 Điều 35 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

6. Kiểm tra, giám sát và loại bỏ thông tin, dịch vụ vi phạm Điều 8 Luật An ninh mạng chậm nhất là 24 giờ kể từ thời điểm phát hiện vi phạm. Thông báo đến người đăng tải nội dung bị khiếu nại: lý do nội dung bị tạm khóa hoặc xóa bỏ; có cơ chế để người có thông tin bị tạm khóa phản hồi lại theo quy định tại khoản 5 Điều 35 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

7. Thực hiện việc ngăn chặn, gỡ bỏ thông tin, dịch vụ vi phạm quy định của pháp luật theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

8. Thực hiện việc tạm khóa hoặc khóa vĩnh viễn hoạt động đối với các tài khoản, trang cộng đồng, nhóm cộng đồng, kênh nội dung thường xuyên đăng tải nội dung vi phạm pháp luật chậm nhất là 24 giờ khi có yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 7 Điều 35 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

9. Cung cấp thông tin của người sử dụng dịch vụ mạng xã hội cho cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu bằng văn bản để phục vụ công tác điều tra, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng theo quy định tại khoản 9 Điều 35 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

10. Thực hiện việc đăng ký, lưu trữ, xác thực và quản lý nội dung, thông tin của người sử dụng dịch vụ mạng xã hội theo quy định của pháp luật. Bảo đảm chỉ những người sử dụng đã cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin theo quy định mới được đăng tải thông tin (viết bài, bình luận, livestream) và chia sẻ thông tin trên mạng xã hội. Thực hiện xóa thông tin của người sử dụng dịch vụ sau khi hết hạn thời gian lưu trữ theo quy định tại khoản 11 Điều 35 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

11. Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước cung cấp thông tin, phổ biến quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến việc cung cấp, sử dụng Internet và thông tin trên mạng đến người sử dụng dịch vụ mạng xã hội theo quy định tại khoản 12 Điều 35 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

12. Triển khai giải pháp bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng theo quy định của pháp luật về bảo vệ trẻ em theo quy định tại khoản 13 Điều 35 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

13. Kết nối đến hệ thống giám sát của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để phục vụ việc thống kê, theo dõi lượng người sử dụng, truy cập theo quy định tại khoản 14 Điều 35 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

14. Cung cấp công cụ tìm kiếm, rà quét nội dung theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 15 Điều 35 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

15. Báo cáo theo quy định và chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 16 Điều 35 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

16. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực của giấy phép:

1. Giấy phép này có hiệu lực từ ngày

Giấy phép này thay thế cho Giấy phép số... do... cấp ngày... tháng... năm... cho (tên doanh nghiệp) (áp dụng đối với đề nghị sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Công ty
- Thanh tra Chính phủ;
- Bộ Công an;
- Lãnh đạo Bộ (để báo cáo);
- Sở VH-TTDL (phù hợp phạm vi quản lý);
- Lưu: VT...

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền,
đóng dấu/ký số của cơ quan)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP
QUYẾT ĐỊNH PHÁT HÀNH TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ G5 TRÊN MẠNG

Kính gửi: Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp: (ghi bằng chữ in hoa).....
 - Tên giao dịch quốc tế:
 - Tên viết tắt:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
 - Địa chỉ văn phòng giao dịch:Điện thoại:
 - Website giới thiệu hoạt động của Công ty:
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:.... do.... cấp, đăng ký lần đầu, ngày... tháng... năm..., đăng ký thay đổi lần
4. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:
Họ và tên:.....
- Chức vụ: Số điện thoại liên lạc:

Phần 2. Mô tả tóm tắt về nền tảng tạo trò chơi

1. Tên nền tảng phân phối trò chơi:
 - Tên tiếng Việt:
 - Các tên tiếng nước ngoài:
2. Nguồn gốc nền tảng:
3. Địa chỉ đặt máy chủ tại Việt Nam (thông tin chi tiết):
4. Phương thức, phạm vi cung cấp nền tảng
 - 4.1. Trang thông tin điện tử quảng cáo, giới thiệu nền tảng:
 - 4.2. Kênh phân phối nền tảng:
 - Máy tính (PC): Tên miền tải nền tảng
 - Kho ứng dụng: tên kho ứng dụng, tên tài khoản phát hành hiển thị trên ứng dụng
 - Kênh phân phối khác:.....
 - 4.3. Địa chỉ IP:
5. Thông tin về dịch vụ hỗ trợ thanh toán trong trò chơi điện tử trên mạng của doanh nghiệp:
6. Thông tin về các hình thức thanh toán cho trò chơi và thu tiền của người chơi:

7. Người chịu trách nhiệm quản lý trò chơi:

- Họ tên:
- Chức vụ:
- Điện thoại liên lạc:

Phần 3: Mô tả tóm tắt về trò chơi điện tử G5 đề nghị cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử trên mạng:

(Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Quyết định có từ hai trò chơi điện tử trở lên trong cùng một lần nộp hồ sơ, doanh nghiệp nộp kèm theo Danh mục trò chơi điện tử có đầy đủ các thông tin dưới đây với mỗi trò chơi).

1. Tên trò chơi:

- Tên tiếng Việt:
- Các tên tiếng nước ngoài:

2. Kết quả phân loại trò chơi theo độ tuổi:

3. Ngôn ngữ sử dụng trong trò chơi:

4. Mô tả tóm tắt nội dung, kịch bản trò chơi:

Phần 4: Thông tin khác

1. Thời hạn đề nghị cấp Quyết định phát hành: (tối đa 05 năm).

2. Địa chỉ thư điện tử nhận đoạn mã (thể hiện biểu tượng trò chơi điện tử G5 đã được cấp phép phát hành):

3. Tài liệu kèm theo (quy định tại.....Nghị định.....)

-

-

Phần 5. Cam kết

1. Cam kết về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng:

- Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử G5 trên mạng và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng theo quy định tại Nghị định số 147/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng và Nghị định số.... ngày tháng.... năm.... sửa đổi, bổ sung Nghị định số 147/NĐ-CP; các quy định của pháp luật về thanh toán và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Không quảng cáo, giới thiệu các trò chơi điện tử chưa được cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử G5 trên mạng theo quy định tại khoản 8 Điều 54 Nghị định số 147/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng và Nghị định số.... ngày tháng.... năm.... sửa đổi, bổ sung Nghị định số 147/NĐ-CP

- Không lợi dụng việc cung cấp, sử dụng dịch vụ trò chơi điện tử để đánh bạc, tổ chức đánh bạc, lừa đảo, kinh doanh trái pháp luật hoặc các hành vi vi phạm pháp luật khác.

- Không đứng tên làm đại lý cho tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài.
- Báo cáo và chịu sự thanh, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 10, khoản 11 Điều 54 Nghị định số .../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ.

2. Các nội dung cam kết khác

- Doanh nghiệp cam kết hồ sơ doanh nghiệp nộp đề nghị cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử G5 trên mạng là đúng sự thật, đúng với thực tế của doanh nghiệp và bảo đảm đáp ứng đầy đủ theo quy định của pháp luật hiện hành về hoạt động cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng.
- Tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định về bản quyền của phần mềm trò chơi.
- Cam kết toàn bộ hệ thống thanh toán cho trò chơi điện tử G5 trên mạng là đặt tại Việt Nam và do doanh nghiệp chịu trách nhiệm quản lý, vận hành và kiểm soát tại Việt Nam.
- Cam kết tất cả các tài khoản dùng để phát hành trò chơi điện tử G5 trên mạng và hiển thị trên các kênh phân phối do doanh nghiệp chịu trách nhiệm quản lý, vận hành và kiểm soát tại Việt Nam.

Nơi nhận:

- Như trên;
.....
- Lưu:

XÁC NHẬN CỦA
NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

**CƠ QUAN CẤP QUYẾT
ĐỊNH**
-----**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../GP-....

Hà Nội, ngày tháng năm

**QUYẾT ĐỊNH
PHÁT HÀNH TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ G5 TRÊN MẠNG***Cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ...**Cấp sửa đổi, bổ sung ngày ... tháng ... năm ...**Cấp lại ngày ... tháng ... năm ... (nếu có)***CƠ QUAN CẤP QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ...

Xét đề nghị của (Công ty có hồ sơ đề nghị cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử G5 trên mạng);

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Phê duyệt trò chơi điện tử G5 trên mạng theo các quy định sau:**

1. Tên doanh nghiệp phát hành trò chơi:

- Tên giao dịch quốc tế:

- Tên viết tắt:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Địa chỉ văn phòng giao dịch:

- Điện thoại:Fax:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:.... do.... cấp, đăng ký lần đầu, ngày... tháng... năm..., đăng ký

2. Tên nền tảng phân phối trò chơi:

- Tên tiếng Việt:

- Các tên tiếng nước ngoài:

- Nguồn gốc nền tảng:

- Địa chỉ đặt máy chủ tại Việt Nam (thông tin chi tiết):

- Phương thức, phạm vi cung cấp nền tảng:
- + Trang thông tin điện tử quảng cáo, giới thiệu nền tảng:
- + Kênh phân phối nền tảng:
- Máy tính (PC): Tên miền tải nền tảng
- Kho ứng dụng: tên kho ứng dụng, tên tài khoản phát hành hiển thị trên ứng dụng
- Kênh phân phối khác:.....
- Địa chỉ IP:
- Thông tin về dịch vụ hỗ trợ thanh toán trong trò chơi điện tử trên mạng của doanh nghiệp:
- Thông tin về các hình thức thanh toán cho trò chơi và thu tiền của người chơi:
- Người chịu trách nhiệm quản lý trò chơi:
- + Họ tên:
- + Chức vụ:
- + Điện thoại liên lạc:

3. Trò chơi điện tử G5 được cấp Quyết định phát hành

(Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Quyết định có từ hai trò chơi điện tử trở lên trong cùng một lần nộp hồ sơ, cơ quan cấp quyết định đính kèm theo Danh mục trò chơi điện tử có đầy đủ các thông tin dưới đây).

- Tên trò chơi:
- + Tên tiếng Việt:
- + Các tên tiếng nước ngoài:
- Phiên bản trò chơi (tên phiên bản nếu có):
- Kết quả phân loại trò chơi theo độ tuổi:
- Ngôn ngữ sử dụng trong trò chơi:
- Mô tả tóm tắt nội dung, kịch bản trò chơi:

Điều 2. Doanh nghiệp được cấp cung cấp và quản lý nền tảng số có tính năng cho phép người sử dụng khởi tạo và phân phối trò chơi điện tử phải thực hiện đúng các quy định tại:

- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;
- Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;
- Cam kết của doanh nghiệp tại Đơn đề nghị cấp giấy phép;
- Những điều ghi trong giấy phép này; các quy định về thanh toán và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 3. Hiệu lực của quyết định:

Quyết định này có hiệu lực từ ngày

Quyết định này thay thế cho Quyết định số... do... cấp ngày... tháng... năm... cho (tên doanh nghiệp) (áp dụng đối với đề nghị sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Công ty
- Thanh tra Chính phủ;
- Bộ Công an;
- Lãnh đạo Bộ (để báo cáo);
- Sở VH TTDL (phù hợp phạm vi quản lý);
- Lưu: VT...

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

*(Chữ ký của người có thẩm quyền,
đóng dấu/ký số của cơ quan)*

TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /CV-....

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH PHÁT HÀNH
TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ G5 TRÊN MẠNG

Kính gửi: Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử

*Căn cứ Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;**Căn cứ Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;**Căn cứ quyết định phát hành trò chơi điện tử G5 trên mạng số ... ngày ... tháng ... năm... do cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử cấp;***(TÊN ĐƠN VỊ) ĐỀ NGHỊ**1. Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định phát hành trò chơi điện tử G5 trên mạng của (tên đơn vị có Giấy phép) gồm những nội dung, như sau:
(danh sách những nội dung thay đổi và lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung)

2. (Tên đơn vị có Quyết định phép) đề nghị (Tên cơ quan tiếp nhận thông báo) cấp Quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định phát hành trò chơi điện tử G5 trên mạng số ... ngày ... tháng ... năm... do (tên đơn vị cấp Giấy phép) cấp.

Nơi nhận:

- Cơ quan tiếp nhận thông báo;
-
- Lưu: VT, (số bản).

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)**Ghi chú:** Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào quy định pháp luật tại thời điểm cấp phép và từng văn bản cụ thể.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP
QUYẾT ĐỊNH PHÁT HÀNH TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ G1 TRÊN MẠNG

Kính gửi: Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp: (ghi bằng chữ in hoa).....
 - Tên giao dịch quốc tế:
 - Tên viết tắt:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
 - Địa chỉ văn phòng giao dịch:Điện thoại:
 - Website giới thiệu hoạt động của Công ty:
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:.... do.... cấp, đăng ký lần đầu, ngày... tháng... năm..., đăng ký
4. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:
Họ và tên:.....
- Chức vụ: Số điện thoại liên lạc:

Phần 2. Mô tả tóm tắt về trò chơi điện tử G1 đề nghị cấp Quyết định phát hành

1. Tên trò chơi:
 - Tên tiếng Việt:
 - Các tên tiếng nước ngoài:
 - Tên theo bản quyền:
2. Số phiên bản trò chơi (tên phiên bản nếu có):
3. Kết quả phân loại trò chơi theo độ tuổi:
4. Ngôn ngữ sử dụng trong trò chơi:
5. Nguồn gốc trò chơi:
6. Mô tả tóm tắt cốt truyện, mô tả cách chơi:
7. Thông tin về máy chủ:
 - Tên đơn vị cho thuê máy chủ/cho thuê chỗ đặt máy chủ:.....
 - Địa chỉ đặt máy chủ tại Việt Nam:.....
8. Phương thức, phạm vi cung cấp:
 - Trang thông tin điện tử quảng cáo, giới thiệu trò chơi:
 - Kênh phân phối trò chơi:

- + Máy tính (PC): Tên miền tải trò chơi
- + Kho ứng dụng: tên kho ứng dụng, tên tài khoản phát hành hiển thị trên ứng dụng
- + Kênh phân phối khác:.....
- + Địa chỉ IP:

9. Thông tin về tên tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán mà doanh nghiệp kết nối:.....

10. Thông tin về các hình thức thanh toán cho trò chơi và thu tiền của người chơi (Thẻ ATM/Visa/Master, ví điện tử, chuyển khoản ngân hàng, in-app purchase....):

11. Người chịu trách nhiệm quản lý trò chơi:

- Họ tên:
- Chức vụ:
- Điện thoại liên lạc:

12. Thời hạn đề nghị cấp Quyết định phát hành: (tối đa 05 năm).

13. Địa chỉ thư điện tử nhận đoạn mã (thể hiện biểu tượng trò chơi điện tử G1 đã được cấp phép phát hành):

Phần 3: Tài liệu kèm theo:

1.
2.

Phần 4. Cam kết

1. Cam kết về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng:

- Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng theo quy định tại Nghị định số 147/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng và Nghị định số.... ngày tháng.... năm.... sửa đổi, bổ sung Nghị định số 147/NĐ-CP; các quy định của pháp luật về thanh toán và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
- Không quảng cáo, giới thiệu các trò chơi điện tử chưa được cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng theo quy định tại khoản 8 Điều 54 Nghị định số 147/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng và Nghị định số.... ngày tháng.... năm.... sửa đổi, bổ sung Nghị định số 147/NĐ-CP
- Không lợi dụng việc cung cấp, sử dụng dịch vụ trò chơi điện tử để đánh bạc, tổ chức đánh bạc, lừa đảo, kinh doanh trái pháp luật hoặc các hành vi vi phạm pháp luật khác.
- Không đứng tên làm đại lý cho tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài.
- Báo cáo và chịu sự thanh, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 10, khoản 11 Điều 54 Nghị định số .../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ.

2. Các nội dung cam kết khác

- Doanh nghiệp cam kết hồ sơ doanh nghiệp nộp đề nghị cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng là đúng sự thật, đúng với thực tế của doanh nghiệp và bảo đảm đáp ứng đầy đủ theo quy định của pháp luật hiện hành về hoạt động cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng.
- Tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định về bản quyền của phần mềm trò chơi.
- Cam kết toàn bộ hệ thống thanh toán cho trò chơi điện tử G1 trên mạng là đặt tại Việt Nam và do doanh nghiệp chịu trách nhiệm quản lý, vận hành và kiểm soát tại Việt Nam.
- Cam kết tất cả các tài khoản dùng để phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng và hiển thị trên các kênh phân phối do doanh nghiệp chịu trách nhiệm quản lý, vận hành và kiểm soát tại Việt Nam.

Nơi nhận:

- Như trên;
.....
- Lưu:

XÁC NHẬN CỦA
NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

**CƠ QUAN CẤP QUYẾT
ĐỊNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../GP-....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

**QUYẾT ĐỊNH
PHÁT HÀNH TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ G1 TRÊN MẠNG***Cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ...**Cấp sửa đổi, bổ sung ngày ... tháng ... năm ...**Cấp lại ngày ... tháng ... năm ... (nếu có)***CƠ QUAN CẤP QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ...

Xét đề nghị của (Công ty có hồ sơ đề nghị cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng);

Căn cứ ý kiến của Hội đồng thẩm định trò chơi điện tử trên mạng....;

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Phê duyệt trò chơi điện tử G1 trên mạng theo các quy định sau:**

1. Tên doanh nghiệp: (ghi bằng chữ in hoa).....
- Tên giao dịch quốc tế:
- Tên viết tắt:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Địa chỉ văn phòng giao dịch:Điện thoại:
- Website giới thiệu hoạt động của Công ty:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:.... do.... cấp, đăng ký lần đầu, ngày... tháng... năm..., đăng ký
- Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:
- + Họ và tên:.....
- + Chức vụ: Số điện thoại liên lạc:
2. Trò chơi điện tử G1 đề nghị cấp Quyết định phát hành:
- Tên trò chơi: (ghi bằng chữ in hoa).....
- Các tên tiếng nước ngoài:

- Tên theo bản quyền:
- 2. Số phiên bản trò chơi (tên phiên bản nếu có):
- 3. Kết quả phân loại trò chơi theo độ tuổi:
- 4. Ngôn ngữ sử dụng trong trò chơi:
- 5. Nguồn gốc trò chơi:
- 6. Thông tin về máy chủ:
 - Tên đơn vị cho thuê máy chủ/cho thuê chỗ đặt máy chủ:.....
 - Địa chỉ đặt máy chủ tại Việt Nam:.....
- 8. Phương thức, phạm vi cung cấp:
 - Trang thông tin điện tử quảng cáo, giới thiệu trò chơi:
 - Kênh phân phối trò chơi:
 - + Máy tính (PC): Tên miền tải trò chơi
 - + Kho ứng dụng: tên kho ứng dụng, tên tài khoản phát hành hiển thị trên ứng dụng
 - + Kênh phân phối khác:.....
 - + Địa chỉ IP:

Điều 2. Doanh nghiệp được cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng phải thực hiện đúng các quy định tại:

- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;
- Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;
- Cam kết của doanh nghiệp tại Đơn đề nghị cấp giấy phép;
- Chịu trách nhiệm về bản quyền của trò chơi; thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bản quyền khi cung cấp trò chơi điện tử G1 trên mạng tại Việt Nam; các quy định về thanh toán và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.
- Những điều ghi trong giấy phép này.

Điều 3. Hiệu lực của quyết định:

Quyết định này có hiệu lực từ ngày

Quyết định này thay thế cho Giấy phép số... do... cấp ngày... tháng... năm... cho (tên doanh nghiệp) (áp dụng đối với đề nghị sửa đổi, bổ sung).

Điều 4. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng, người chịu trách nhiệm trước pháp luật/ người đứng đầu doanh nghiệp..... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Công ty
- Thanh tra Chính phủ;
- Bộ Công an;
- Lãnh đạo Bộ (để báo cáo);
- Sở VH&TTDL/Sở VH&TT (phù hợp phạm vi quản lý);
- Lưu: VT...

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền,
đóng dấu/ký số của cơ quan)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /CV-....

..., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO**Phát hành trò chơi điện tử trên mạng**

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy xác nhận

1. Tên đơn vị đề nghị phát hành trò chơi điện tử trên mạng (viết chữ in hoa):

- Tên viết tắt (hoặc tên giao dịch quốc tế):
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Địa chỉ văn phòng giao dịch:Điện thoại:
- Website giới thiệu hoạt động của Công ty:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:.... do.... cấp, đăng ký lần đầu, ngày... tháng... năm..., đăng ký
- Họ và tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:
- Chức vụ: Số điện thoại liên lạc:

2. Đề nghị cấp Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử trên mạng theo các nội dung sau:**2.1. Phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ:**

- Trên trang thông tin điện tử/tại tên miền:
- Kênh phân phối trò chơi (ghi rõ tên kho ứng dụng, tên đơn vị phát hành hiển thị trên ứng dụng):
- Địa chỉ IP:

2.2. Địa chỉ đặt máy chủ tại Việt Nam (thông tin chi tiết):**2.3. Thông tin về dịch vụ hỗ trợ thanh toán trong trò chơi điện tử trên mạng của doanh nghiệp:****2.4. Thông tin về các hình thức thanh toán cho trò chơi và thu tiền của người chơi:****2.5. Họ tên người chịu trách nhiệm quản lý trò chơi:**

- Chức vụ:
- Điện thoại liên lạc:

2.6. Thời hạn đề nghị cấp giấy xác nhận thông báo: (tối đa 05 năm).**2.7. Nội dung trò chơi:**

TT	Tên trò chơi (tên tiếng Việt và tiếng nước ngoài)	Phiên bản trò chơi	Ngôn ngữ thể hiện	Kết quả phân loại trò chơi theo độ tuổi	Nguồn gốc trò chơi	Loại hình trò chơi cung cấp (G2 hoặc G3 hoặc G4)	Mô tả tóm tắt nội dung, kịch bản trò chơi, cách chơi	Hình ảnh mô tả tóm tắt trong trò chơi
1								
2								
3								
...								

3. Tài liệu kèm theo:

- (1)
- (2)
- (...)

4. (Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

4.1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung đăng ký nêu trên và các tài liệu kèm theo; Chịu trách nhiệm về bản quyền của trò chơi; nếu sai hoặc có khiếu nại/ tranh chấp (Tên doanh nghiệp) xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

4.2. Nếu được cấp Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử trên mạng, (Tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm các quy định trong Giấy xác nhận và các quy định khác của pháp luật Việt Nam có liên quan.

Nơi nhận:

- Như trên;
.....
- Lưu:.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng
dấu)

**CƠ QUAN CẤP
GIẤY XÁC NHẬN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GXN-....

Hà Nội, ngày tháng năm

**GIẤY XÁC NHẬN
THÔNG BÁO PHÁT HÀNH TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ G2, G3, G4 TRÊN MẠNG***Cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ...**Cấp sửa đổi, bổ sung ngày ... tháng ... năm ...**Lý do sửa đổi, bổ sung:*

Căn cứ Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng

Căn cứ Thông báo số ... ngày ... tháng ... năm.... của (tên doanh nghiệp);

Theo đề nghị của.....

**CƠ QUAN CẤP GIẤY XÁC NHẬN
XÁC NHẬN:**

1. Tên đơn vị phát hành trò chơi điện tử trên mạng (viết chữ in hoa):

- Tên viết tắt (hoặc tên giao dịch quốc tế):

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Địa chỉ văn phòng giao dịch:Điện thoại:

- Website giới thiệu hoạt động của Công ty:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:.... do.... cấp, đăng ký lần đầu, ngày... tháng... năm..., đăng ký

- Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

+ Họ và tên:.....

+ Chức vụ: Số điện thoại liên lạc:

2. Xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử trên mạng theo các nội dung sau:

2.1. Phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ:

- Trên trang thông tin điện tử/tại tên miền:

- Kênh phân phối trò chơi (ghi rõ tên kho ứng dụng, tên đơn vị phát hành hiển thị trên ứng dụng):

- Địa chỉ IP:

2.2. Địa chỉ đặt máy chủ tại Việt Nam (thông tin chi tiết):

2.3. Nội dung trò chơi:

TT	Tên trò chơi (tên tiếng Việt và tiếng nước ngoài)	Phiên bản trò chơi	Ngôn ngữ thể hiện	Kết quả phân loại trò chơi theo độ tuổi	Nguồn gốc trò chơi	Loại hình trò chơi cung cấp (G2 hoặc G3 hoặc G4)	Nội dung, kịch bản trò chơi, cách chơi
1							
2							
3							
...							

3. Trách nhiệm của doanh nghiệp:

(Tên doanh nghiệp) có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định tại Giấy chứng nhận này và thực hiện các quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Hiệu lực của Giấy xác nhận:

Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng có hiệu lực kể từ ngày cấp đến ngày.... tháng.... năm... (hiệu lực theo đề nghị của doanh nghiệp nhưng tối đa 05 năm kể từ ngày cấp).

Giấy xác nhận này thay thế cho Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng số... do... cấp ngày... tháng... năm... cho (tên doanh nghiệp) (áp dụng đối với đề nghị sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Đơn vị được cấp Giấy xác nhận;
- Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử;
- ...
- Lưu: VT, (số bản).

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

*(Chữ ký của người có thẩm quyền,
đóng dấu/ký số của cơ quan)*

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

THÔNG BÁO
THAY ĐỔI NỘI DUNG GIẤY XÁC NHẬN
THÔNG BÁO PHÁT HÀNH TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ G2, G3, G4 TRÊN MẠNG

Kính gửi: *Cơ quan tiếp nhận thông báo*

Căn cứ Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Giấy phép cung cấp và quản lý nền tảng số có tính năng cho phép người sử dụng khởi tạo và phân phối trò chơi điện tử số ... ngày ... tháng ... năm... do cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử cấp;

(TÊN ĐƠN VỊ) ĐỀ NGHỊ

1. Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng của (tên đơn vị có Giấy xác nhận) gồm những nội dung, như sau: (danh sách những nội dung thay đổi).....

2. *(Tên đơn vị có Giấy xác nhận) đề nghị (Tên cơ quan tiếp nhận thông báo) cấp Giấy xác nhận sửa đổi bổ sung Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng số ... ngày ... tháng ... năm... do (tên đơn vị cấp Giấy xác nhận) cấp.*

Nơi nhận:

- Cơ quan tiếp nhận thông báo;
-
- Lưu: VT, (số bản).

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào quy định pháp luật tại thời điểm cấp phép và từng văn bản cụ thể.

UBND CẤP TỈNH
UBND CẤP XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-SVHTTDL

....., ngày ... tháng ... năm

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
Của các điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng (năm)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Ủy ban nhân dân cấp xã..... báo cáo công tác quản lý và tình hình hoạt động của các điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trên địa bàn từ ngày 21/11/... (năm trước kỳ báo cáo) đến hết ngày 20/11/... (năm kỳ báo cáo) như sau:

1. Công tác quản lý nhà nước

a) Các hoạt động chính (phổ biến pháp luật, cấp và thu hồi giấy phép, thanh kiểm tra, các hoạt động khác).

b) Các văn bản mới ban hành (kèm theo bản copy hoặc đường link).

c) Số lượng các giấy chứng nhận đủ Điều kiện cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng cấp mới, sửa đổi, bổ sung, thu hồi tính đến ngày 20/11/... (năm kỳ báo cáo)

2. Tình hình hoạt động và tuân thủ pháp luật của các điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng.

3. Khó khăn, vướng mắc, kiến nghị, đề xuất.

Nơi nhận:

-....

-...

- Lưu: VT, (số bản).

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền,
đóng dấu/ký số của cơ quan)

**CƠ QUAN CẤP
GIẤY CHỨNG NHẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../GXN-....

Hà Nội, ngày tháng năm

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG ĐIỂM CUNG CẤP DỊCH VỤ TRÒ CHƠI ĐIỆN
TỬ CÔNG CỘNG**

(Có giá trị đến ngày tháng năm)

Cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ...

Cấp sửa đổi, bổ sung ngày ... tháng ... năm ...

Lý do sửa đổi, bổ sung:

**CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
CHỨNG NHẬN**

I. Thông tin chung:

1. Tên tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân:
2. Số định danh cá nhân/hộ chiếu/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư:
- Ngày cấp: Nơi cấp:
3. Địa chỉ:
- Điện thoại liên hệ: Fax:
- Địa chỉ thư điện tử:

II. Đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng theo các quy định sau đây:

1.1. Đối với Tổ chức/Doanh nghiệp:

1. Tên điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng:
2. Thông tin của cá nhân đại diện cho tổ chức, doanh nghiệp trực tiếp quản lý điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng:
Họ và tên:
Số định danh cá nhân hoặc số CMTND hoặc số hộ chiếu:
Ngày cấp: Nơi cấp:
Điện thoại liên hệ: Địa chỉ thư điện tử:
3. Địa chỉ của địa điểm kinh doanh:

1.2 Đối với cá nhân:

1. Tên điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng:
2. Địa chỉ của địa điểm kinh doanh:

III. Thời hạn có hiệu lực của giấy chứng nhận:

IV. Quyền và nghĩa vụ của chủ điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng:

Điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử chỉ được hoạt động tại địa chỉ quy định tại điểm II Giấy chứng nhận này thực hiện các trách nhiệm quy định tại Điều 68 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng Nghị định này trong suốt thời gian hoạt động.

Nơi nhận:

- Tổ chức/cá nhân được cấp Giấy chứng nhận;

- ...

- Lưu: VT, (số bản).

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI
KÝ**

*(Chữ ký của người có thẩm quyền,
đóng dấu/ký số của cơ quan)*

TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /CV-....

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO
THAY ĐỔI NỘI DUNG GIẤY PHÉP/GIẤY XÁC NHẬN CUNG CẤP
DỊCH VỤ MẠNG XÃ HỘIKính gửi: *Cơ quan tiếp nhận thông báo*

Căn cứ Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Giấy phép/Giấy xác nhận cung cấp dịch vụ mạng xã hội số ... ngày ... tháng ... năm... do cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử cấp;

(TÊN ĐƠN VỊ) THÔNG BÁO

1. Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép/Giấy xác nhận cung cấp dịch vụ mạng xã hội của *(tên đơn vị có Giấy phép/Giấy xác nhận)* gồm những nội dung, như sau: *(danh sách những nội dung thay đổi)*.....

2. *(Tên đơn vị có Giấy phép/Giấy xác nhận)* đề nghị *(Tên cơ quan tiếp nhận thông báo)* cấp giấy xác nhận thông báo về việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép/Giấy xác nhận cung cấp dịch vụ mạng xã hội số ... ngày ... tháng ... năm... do *(tên đơn vị cấp Giấy phép/Giấy xác nhận)* cấp.

Nơi nhận:

- Cơ quan tiếp nhận thông báo;

-

- Lưu: VT, (số bản).

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA ĐƠN VỊ*(Ký tên, đóng dấu)*

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào quy định pháp luật tại thời điểm cấp phép và từng văn bản cụ thể.

CƠ QUAN TIẾP NHẬN THÔNG BÁO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày.....tháng.....năm.....

GIẤY XÁC NHẬN THÔNG BÁO
THAY ĐỔI NỘI DUNG GIẤY PHÉP/GIẤY XÁC NHẬN CUNG CẤP
DỊCH VỤ MẠNG XÃ HỘI

Căn cứ Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng

Căn cứ Giấy phép/Giấy xác nhận cung cấp dịch vụ mạng xã hội số ... ngày ... tháng ... năm... do (tên cơ quan cấp Giấy phép/Giấy xác nhận) cấp cho (tên đơn vị có Giấy phép/Giấy xác nhận);

Căn cứ Thông báo số ... ngày ... tháng ... năm.... của (tên đơn vị có Giấy phép/Giấy xác nhận);

Theo đề nghị của.....

(TÊN CƠ QUAN CẤP GIẤY XÁC NHẬN) XÁC NHẬN

1. Sửa đổi, bổ sung Giấy phép/Giấy xác nhận cung cấp dịch vụ mạng xã hội của (tên đơn vị có Giấy phép/Giấy xác nhận) gồm những nội dung, như sau:
(danh sách những nội dung thay đổi).....

2. (Tên đơn vị có Giấy phép/Giấy xác nhận) được triển khai cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo Giấy phép/Giấy xác nhận cung cấp dịch vụ mạng xã hội (số và ngày cấp Giấy phép/Giấy xác nhận) và các nội dung được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1, Giấy xác nhận thông báo này kể từ ngày ký.

3. Các quy định khác của Giấy phép/Giấy xác nhận cung cấp dịch vụ mạng xã hội số.... ngày... tháng... năm... do (tên cơ quan cấp Giấy phép/Giấy xác nhận) cấp cho (tên đơn vị có Giấy phép/Giấy xác nhận) vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

4. (Tên đơn vị có Giấy phép/Giấy xác nhận) có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định ghi trong Giấy phép/Giấy xác nhận cung cấp dịch vụ mạng xã hội sốngày ... thángnăm do (tên cơ quan cấp Giấy phép/Giấy xác nhận) cấp và Giấy xác nhận thông báo này.

Nơi nhận:

- Đơn vị được cấp Giấy phép/Giấy xác nhận;
- Tên cơ quan cấp Giấy phép/Giấy xác nhận;
- Đơn vị cấp Giấy xác nhận thông báo;
-
- Lưu: VT, (số bản).

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

*(Chữ ký của người có thẩm quyền,
 đóng dấu/ký số của cơ quan)*

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào quy định pháp luật tại thời điểm xác nhận và từng văn bản cụ thể.

TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

..., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO
GIA HẠN THỜI HẠN CỦA GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ
MẠNG XÃ HỘIKính gửi: *Cơ quan tiếp nhận thông báo*

Căn cứ Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội số ... ngày ... tháng ... năm... do (tên cơ quan cấp Giấy phép) cấp;

(TÊN ĐƠN VỊ) THÔNG BÁO

1. Gia hạn thời hạn của Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội số ... ngày ... tháng ... năm... do (tên cơ quan cấp Giấy phép) cấp cho (tên đơn vị có Giấy phép/Giấy xác nhận): từ ngày ... tháng ... năm... đến hết ngày ... tháng ... năm...

2. (Tên đơn vị có Giấy phép) đề nghị (Tên cơ quan tiếp nhận thông báo) cấp giấy xác nhận thông báo về việc gia hạn thời hạn của Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội số ... ngày ... tháng ... năm... do (tên cơ quan cấp Giấy phép) cấp.

Nơi nhận:

- Cơ quan tiếp nhận thông báo;
-
- Lưu: VT, (số bản).

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào quy định pháp luật tại thời điểm xác nhận và từng văn bản cụ thể.

CƠ QUAN TIẾP NHẬN THÔNG BÁO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

..., ngày.....tháng.....năm.....

GIẤY XÁC NHẬN THÔNG BÁO
GIA HẠN THỜI HẠN CỦA GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ
MẠNG XÃ HỘI

Căn cứ Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Giấy phép/Giấy xác nhận cung cấp dịch vụ mạng xã hội số ... ngày ... tháng ... năm... do (tên cơ quan cấp Giấy phép) cấp cho (tên đơn vị có Giấy phép);

Căn cứ Thông báo số ... ngày ... tháng ... năm.... của (tên đơn vị có Giấy phép);

Theo đề nghị của

(TÊN CƠ QUAN CẤP GIẤY XÁC NHẬN) XÁC NHẬN

1. Gia hạn thời hạn của Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội số ... ngày ... tháng ... năm... do (tên cơ quan cấp Giấy phép) cấp cho (tên đơn vị có Giấy phép), như sau: (ghi rõ gia hạn từ thời điểm nào đến thời điểm nào).....

2. (Tên đơn vị có Giấy phép) được tiếp tục cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo các quy định của Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội số.... ngày... tháng.... năm..... do (tên cơ quan cấp Giấy phép) cấp cho (tên đơn vị có Giấy phép).

3. (Tên đơn vị có Giấy phép) có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định ghi trong Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội sốngày ... thángnăm do (tên cơ quan cấp Giấy phép) cấp và Giấy xác nhận thông báo này.

Nơi nhận:

- Đơn vị được cấp Giấy phép/Giấy xác nhận;
- Tên cơ quan cấp Giấy phép/Giấy xác nhận;
- Đơn vị cấp Giấy xác nhận thông báo;
- ...
- Lưu: VT, (số bản).

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

*(Chữ ký của người có thẩm quyền,
đóng dấu/ký số của cơ quan)*

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào quy định pháp luật tại thời điểm xác nhận và từng văn bản cụ thể.

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO
THÔNG TIN LIÊN HỆ CỦA CHỦ TRANG/KÊNH/TÀI KHOẢN/NHÓM CỘNG
ĐỒNG TRÊN MẠNG XÃ HỘI CÓ LƯỢNG THEO DÕI LỚN

Căn cứ Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử).

I. THÔNG TIN CHỦ THỂ THÔNG BÁO**1.1. Đối với Tổ chức/Doanh nghiệp**

- Tên tổ chức/doanh nghiệp:
- Mã định danh điện tử của tổ chức:
- Mã số doanh nghiệp:
- Mã số thuế hộ kinh doanh (nếu có):
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Người đại diện theo pháp luật:
 - Họ và tên:
 - Chức vụ:
 - Số điện thoại liên lạc:
 - Email:

1.2. Đối với Cá nhân

- Họ và tên:
- Ngày, tháng, năm sinh:
- Số định danh cá nhân/Số hộ chiếu:
 - Ngày cấp: Nơi cấp:
- Địa chỉ thường trú/tạm trú:
- Số điện thoại di động (đã xác thực tại Việt Nam):
- Email liên hệ:

II. DANH SÁCH TRANG, KÊNH, TÀI KHOẢN, NHÓM CỘNG ĐỒNG

STT	Tên Trang/Kênh/Tài khoản/Nhóm	Đường dẫn (URL)	Nền tảng mạng xã hội	Số lượng người theo dõi/thành viên
1				
2				
...				

III. THÔNG TIN NGƯỜI QUẢN TRỊ TRỰC TIẾP *(Yêu cầu cung cấp thông tin của ít nhất 01 người chịu trách nhiệm quản trị trực tiếp các trang/kênh/nhóm đã kê khai)*

- Họ và tên:
- Chức vụ (nếu chủ thể là tổ chức):
- Số điện thoại di động Việt Nam (đã xác thực):
- Email:
- Địa chỉ liên hệ:

IV. NỘI DUNG CAM KẾT

Chúng tôi/Tôi trân trọng thông báo và cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung sau:

1. Cam kết tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ thông tin đã cung cấp trong văn bản này.
2. Cam kết tuân thủ các quy định về quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên mạng theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP; Nghị định số:..... và các văn bản pháp luật có liên quan.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:.....

XÁC NHẬN CỦA CHỦ TÀI KHOẢN/NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu đối với tổ chức; hoặc ký số trong trường hợp gửi qua môi trường điện tử)